



**CÙNG ĐẾN
NÓC NHÀ ĐÔNG DƯƠNG**

Báo Cáo Thường Niên 2021

BẢNG THÀNH TÍCH NĂM 2021



TỔNG TÀI SẢN tại ngày 31/12/2021

30.204 TỶ ĐỒNG



TỔNG TIỀN MẶT tại ngày 31/12/2021

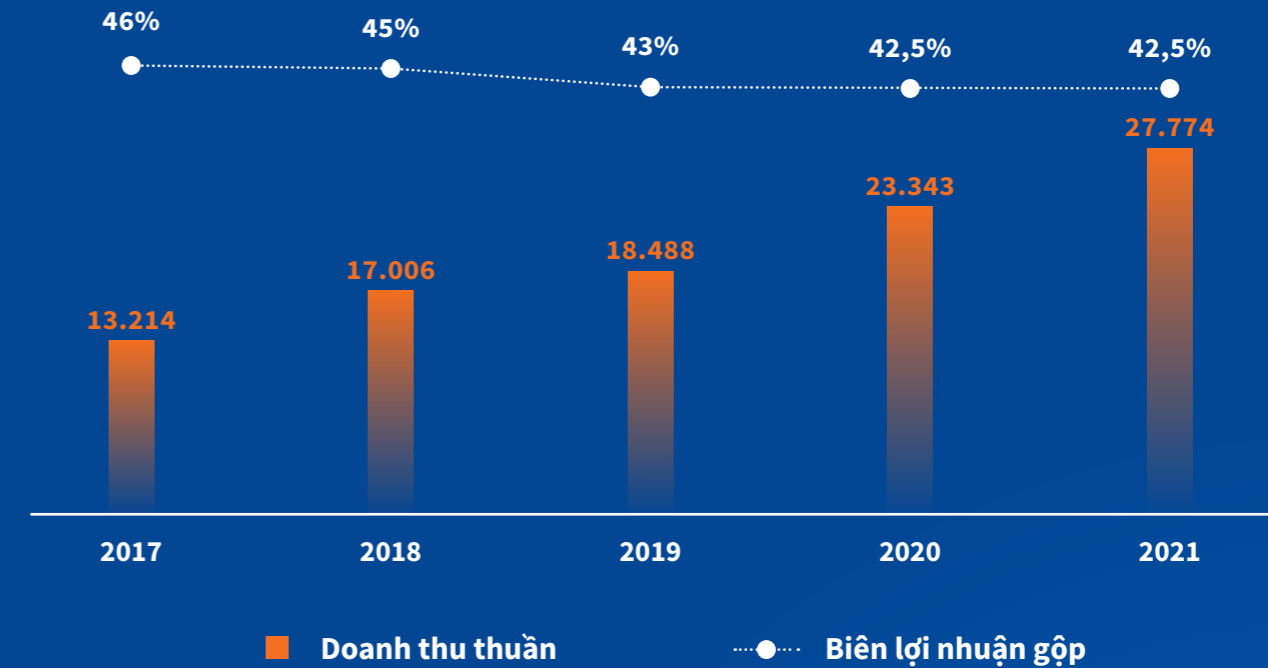
13.183 TỶ ĐỒNG



LỢI NHUẬN SAU THUẾ

5.526 TỶ ĐỒNG

Doanh thu thuần (tỷ đồng) và Biên lợi nhuận gộp (%)



MỤC LỤC

04

CÂU CHUYỆN CỦA
MASAN CONSUMER

18

DOING WELL BY
DOING GOOD

30

BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH

54

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

120

THÔNG TIN
DOANH NGHIỆP

CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER



CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER

“ Hàng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt Nam ”

Đến nay, Masan Consumer đã trở thành một công ty có doanh thu tỷ đô với danh mục các thương hiệu sản phẩm đa dạng và đáng tin cậy trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (“FMCG”).

Masan Consumer (“Công ty” và “Masan” và “MSC”) là một trong những công ty sản xuất thực phẩm và đồ uống hàng đầu Việt Nam và mới đây đã tham gia vào thị trường hàng chăm sóc cá nhân gia đình. Triết lý kinh doanh của Masan Consumer là “Hàng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt Nam”. Chúng tôi luôn xem triết lý này là kim chỉ nam cho mọi hành động, luôn đặt người tiêu dùng làm trọng tâm. Từ đó, chúng tôi thực hiện giải pháp sáng tạo đột phá nhằm giải quyết nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng, mang lại các sản phẩm chất lượng và giá cả hợp lý đồng thời cũng đưa ra nhiều sản phẩm cao cấp để phục vụ người tiêu dùng Việt Nam khi Việt Nam đang ngày càng phát triển. Chúng tôi tin vào tiềm năng tiêu dùng của Việt Nam, đồng thời các nhu cầu của thị trường ngày càng tăng, phong cách sống và khẩu vị của người tiêu dùng cũng thay đổi. Chính niềm tin này đã theo chúng tôi trong hành trình phụng sự người tiêu dùng từ những ngày chập chững vào thị trường cho đến nay.

Chúng tôi cũng đã đặc biệt thành công khi phục vụ khu vực nông thôn, đó chính là nơi có gần 70% dân số Việt Nam đang sinh sống. Chúng tôi đang phát triển kênh bán lẻ một cách nhanh nhất dựa trên tâm thế đồng hành cùng người tiêu dùng, những người đang có thu nhập tốt hơn và cuộc sống thành thị hóa hơn. Việc hiện diện muộn nơi cho tất cả mọi người là rất quan trọng đối với Masan vì một nửa chi tiêu của họ dành cho các mặt hàng tiêu dùng cơ bản như thịt, thực phẩm và đồ uống, trong khi các sản phẩm mà

họ sử dụng chưa chắc đảm bảo chất lượng. Chúng tôi muốn thay đổi thực trạng này và đáp ứng “các nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn” của người tiêu dùng bằng những sản phẩm đáng tin cậy. Đây cũng là cơ hội lớn cho sự tăng trưởng kinh doanh cũng như tạo ra giá trị dài hạn cho mọi người.

Với bề dày lịch sử và những thành tích đã đạt được, chúng tôi hoàn toàn có thể tự tin về khả năng phụng sự các nhu cầu lớn của người tiêu dùng. Được thành lập từ năm 1996, Masan Consumer đã nhanh chóng giữ vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực thực phẩm và đồ uống tại thị trường nội địa sau khi chuyển mình từ mô hình thuần xuất khẩu. Đến nay, Masan Consumer đã trở thành một công ty có doanh thu tỷ đô với danh mục các thương hiệu sản phẩm đa dạng và đáng tin cậy trong lĩnh vực hàng tiêu dùng (“FMCG”). Sản phẩm của chúng tôi bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, thực phẩm tiện lợi, cháo, xúc xích, cà phê hòa tan, ngũ cốc dinh dưỡng, nước uống đóng chai và các sản phẩm hóa mỹ phẩm - chăm sóc cá nhân và gia đình. Chúng tôi cũng có mạng lưới phân phối rộng khắp Việt Nam, và kết quả là có 98% hộ gia đình Việt Nam có ít nhất một sản phẩm của Masan (Kantar Worldpanel).

Năm 2021, chúng tôi đã tiếp tục phát triển danh mục sản phẩm của mình theo tiêu chí tốt cho sức khỏe, có nhiều đột phá sáng tạo, sản phẩm chất lượng cao với các mức giá khác nhau phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng.

TẦM NHÌN 2025

MỤC TIÊU 2025

Chúng tôi muốn trở thành:

- Công ty hàng tiêu dùng dẫn đầu Việt Nam xét về doanh số, lợi nhuận và sự nhận biết thương hiệu;
- Đáp ứng nhu cầu hàng ngày của 100 triệu người tiêu dùng Việt Nam;
- Điểm thu hút các nhân tài hàng đầu, và được công nhận là môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; và là biểu tượng của chất lượng và niềm tự hào của người Việt.
- Masan Consumer có 12 nhãn hiệu đứng vị trí số 1 của các ngành hàng tiêu dùng khác nhau.
- Tốc độ phát triển trung bình của doanh thu trong giai đoạn 2020-2025 đạt trên 20%/năm.
- Là 1 trong 3 nơi làm việc được ưa thích nhất Việt Nam vào năm 2025.

CÂU CHUYỆN CỦA MASAN CONSUMER (tiếp theo)

HÀNH TRÌNH CỦA CHÚNG TÔI LÀ HÀNH TRÌNH CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG

Chiến lược thực thi đột phá

Chiến lược thực thi của chúng tôi là:

- Xây dựng các thương hiệu mạnh được người tiêu dùng yêu mến và tin cậy; là các nhãn hiệu được nhắc tới đầu tiên cho mỗi ngành hàng; là các nhãn hiệu dẫn dắt sự thay đổi của ngành hàng.
- Đưa ra các phát kiến hiệu quả, tung ra các sản phẩm mới, thiết yếu, phù hợp với nhu cầu hàng ngày của người tiêu dùng. Dự kiến trong năm 2022, chúng ta sẽ giới thiệu ra thị trường khoảng 50 phát kiến mới phục vụ người tiêu dùng;
- Đối với những ngành hàng mà chúng tôi đã dẫn đầu thị trường, chúng tôi khuyến khích người tiêu dùng sản phẩm phân khúc bình dân chuyển sang sử dụng các sản phẩm trung và cao cấp hơn thông qua những sáng kiến đổi mới giúp tăng giá trị sản phẩm;
- Mạnh mẽ đầu tư về công nghệ và con người để đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm theo kịp xu thế thị trường, thị hiếu người tiêu dùng - kịp thời giới thiệu những sản phẩm mới đến với mọi tầng lớp người tiêu dùng Việt Nam;
- Đẩy mạnh bao phủ và sự hiện diện sản phẩm trên toàn quốc thông qua hệ thống bán hàng. Xây dựng hệ thống phân phối của công ty thành hệ thống phân phối hàng tiêu dùng của tương lai tại Việt Nam;
- Nêu cao **tôn chỉ 3A** (Affordability, Availability và Assurance of Quality), nghĩa là Giá cả hợp lý, Tiếp cận được người tiêu dùng mọi lúc mọi nơi và Đảm bảo chất lượng. Thực hiện 2 trong 3 tôn chỉ này thì không quá khó khăn nhưng để thực hiện được cả 3 tôn chỉ này sẽ giúp cho Masan trở nên khác biệt;
- Đẩy mạnh ngành hàng đồ uống nhằm đạt được mục tiêu doanh thu phân bổ theo tỷ lệ 50% đóng góp từ đồ uống, 50% từ thực phẩm vào năm 2025; và
- Trở thành nhà tuyển dụng hàng đầu và là nơi nuôi dưỡng và phát triển tài năng.

Chiến lược quản lý tài chính chặt chẽ

Chúng tôi áp dụng chiến lược tài chính chặt chẽ, cụ thể là:

- Chiến lược “Trở thành Công ty sở hữu nền tảng công nghệ hàng đầu”, nhằm quản lý bán hàng và kiểm soát chi phí tốt nhất, để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và đồng thời mang đến lợi ích hơn nữa cho người tiêu dùng.
- Tập trung vào các cơ hội đầu tư có thể mang lại biên lợi nhuận gộp 30%+, tạo điều kiện cho chúng tôi xây dựng thương hiệu mạnh và tạo ra những sản phẩm đột phá mang lại giá trị cho người tiêu dùng.
- Chiến lược tập trung tối ưu nguồn lực tài chính vào đầu tư xây dựng thương hiệu để mang lại giá trị lâu dài cho doanh nghiệp.



NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU MẠNH

Chúng tôi đã phát triển các thương hiệu mạnh bằng sự thấu hiểu sâu sắc người tiêu dùng Việt Nam, kết hợp với việc tiếp thu các mô hình hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia, từ đó tạo nên các sản phẩm không có đối thủ.

Chúng tôi đã chuyển đổi nền tảng thực phẩm và đồ uống để trở thành công ty dẫn đầu thị trường trong các lĩnh vực hoạt động với các thương hiệu mạnh. Chúng tôi chọn cách tự phát triển hoặc mua lại các thương hiệu mạnh được khách hàng tin dùng, điều này nhất quán với chiến lược tập trung phục vụ các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người tiêu dùng của chúng tôi. Nhờ đó, các sản phẩm gia vị và cà phê của chúng tôi đều là những sản phẩm dẫn đầu các thị trường. Trong khi đó, với Ngành hàng mì ăn liền, chúng tôi chiếm vị trí số một trong phân khúc cao cấp. Ngành kinh doanh đồ uống của chúng tôi đang tăng trưởng nhanh nhờ vào thương hiệu mạnh trong phân khúc nước tăng lực.

Chúng tôi đã phát triển các thương hiệu mạnh bằng sự thấu hiểu sâu sắc người tiêu dùng Việt Nam, kết hợp với việc tiếp thu các mô hình hoạt động của các tập đoàn đa quốc gia, từ đó tạo nên các sản phẩm không có đối thủ. Trong thị trường mà giá cả là nhân tố chi phối hành vi tiêu dùng, chúng tôi tự hào khi có thể chuyển đổi các sản phẩm trước đây vốn được xem là hàng hoá thông thường, thành những thương hiệu mạnh, giành được sự tin yêu của người tiêu dùng ở các phân khúc khác nhau và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam.

Các thương hiệu chủ chốt của Masan Consumer gồm Chin-Su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Ponnio, Heo Cao Bồi, Vinacafé, Wake-Up, Wake-Up 247, Compact Cherry, Vĩnh Hào, Vivant, Lemona và Quang Hanh..., trong đó có nhiều thương hiệu nhiều năm liền được bình chọn là nhãn hàng phát triển nhanh nhất và được nhiều người tiêu dùng Việt tin dùng nhất. Trong năm 2021, Masan Consumer đã phát triển thêm thương hiệu Homey, đây là dòng nước rửa chén cao cấp được người tiêu dùng yêu thích.

Tính đến cuối năm 2021, Masan Consumer sở hữu 5 thương hiệu với doanh thu trên 2.000 tỷ đồng, tự hào là các thương hiệu mạnh trong các danh mục ngành hàng lớn.

Các thương hiệu có doanh thu trên 2.000 tỷ đồng trong năm 2021



CHIN-SU
NGON HẢO HẠNG

NƯỚC TƯƠNG NẤM SHIITAKE

mới

THƠM NGON TỚI GIỌT CUỐI CÙNG

NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ (tiếp theo)

CHINH PHỤC ĐỈNH CAO - DẪN ĐẦU PHÁT KIẾN



Trong năm 2021, R&D đã thành công xuất sắc với việc giới thiệu 36 phát kiến mới

Năm 2021 được nhắc đến như một năm của nhiều thử thách, khó khăn từ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu nói chung và Việt Nam nói riêng. Bằng bản lĩnh đương đầu với thử thách, đội ngũ R&D không coi đó là rào cản mà chúng tôi nhìn thấy những cơ hội giúp bắt kịp sự thay đổi, mạnh mẽ phát triển đạt những cột mốc ấn tượng. Trong năm 2021, R&D đã giới thiệu 36 phát kiến mới, không những mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm thực phẩm đồ uống vượt trội, mà còn thúc đẩy xu hướng cao cấp hoá để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng hiện đại.

Ngành thực phẩm tiện lợi luôn giữ vững vị trí dẫn đầu với việc giới thiệu mì Omachi sốt tôm chua cay mới với hương vị độc đáo cùng Mì siêu năng lượng Kokomi 90 tôm chua cay, cung cấp năng lượng vượt trội. Mì nấu hải sản Kokomi 90 Kayakay là kết quả của quá trình nghiên cứu lâu dài của các chuyên gia Hàn Quốc, cho ra đời thể hệ sợi mì nấu dai ngon kiểu mới. Mì trộn Kokomi xoài xanh tôm nõn ra mắt vào cuối năm 2021 thực sự gây được tiếng vang bởi hương vị tự nhiên, độc đáo. Năm 2021, chúng tôi cũng đã ra mắt nhiều phát kiến trong ngành hàng gia vị. Danh mục nước mắm được củng cố hơn nữa bằng việc nâng cấp toàn diện nước mắm Chin-Su và Nam Ngư, tạo nên những đột phá mới không những trong hương vị mà còn chú trọng đến lợi ích sức khỏe lâu dài. Tiêu biểu là nước mắm Chin-Su Cá Cơm Biển Đông với công nghệ giảm mặn giúp bảo vệ trái tim khoẻ mạnh và vẫn giữ được vị ngon hài hoà đặc trưng của nước mắm. Một thế hệ nước tương Chin-Su mới với thành phần nấm Shiitake là bước đột phá trong hương vị và hình ảnh sản phẩm khẳng định vị trí dẫn đầu ngành hàng. Hạt nêm Chin-Su thanh ngọt lại mang giá trị dinh dưỡng cao gấp năm lần xương hầm cô đặc. Các ngành hàng khác cũng có nhiều phát kiến mới. Ngành thịt chế biến, xúc xích tiết trùng Ponnies vị bò mới cũng nhận được tín hiệu tốt từ thị trường góp phần làm phong phú thêm danh mục sản phẩm bữa ăn nhẹ. Ngành đồ uống, nước tăng lực Wake-Up 247 tiếp tục khẳng định sức mạnh thương hiệu bằng việc cho ra đời dòng sản phẩm tăng lực vị cà phê ít đường mới giúp duy trì sự tỉnh táo đồng thời giảm lượng calo, thêm sự lựa chọn cho người tiêu dùng trẻ. Bên cạnh đó, nước tăng lực Hồ Vằn cũng chính thức được tung ra thị trường sản phẩm dạng chai, mang đến nhiều lựa chọn hơn về hương vị cho các bạn trẻ. Trong Ngành cà phê, thương hiệu “The Wake-Up Coffee & Time” đã tung ra bộ đôi sản phẩm - Cà phê đen đá Việt Nam và Cà phê nâu đá Việt Nam vào cuối tháng 8/2021, tạo dấu ấn bởi hương vị sản phẩm thơm ngon vượt trội, giúp doanh số bán hàng tăng trưởng mạnh mẽ trong Quý 4/2021.

Với tinh thần “Người Masan vì Người Việt Nam”, đội ngũ R&D chúng tôi luôn sẵn sàng trong mọi hoàn cảnh. Điều này thể hiện rõ trong thời điểm đại dịch Covid-19, hơn 60 chiến binh R&D trong

suốt 110 ngày trụ vững thời gian “3 tại chỗ” tại nhà máy sản xuất, không ngừng tạo ra các sản phẩm mới ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Chính tại thời điểm đó, chúng tôi đã nhìn thấy một thế hệ trẻ của R&D Masan đầy nhiệt huyết, đam mê, giỏi chuyên môn và sẵn sàng đối đầu với thử thách, hướng đến mục tiêu chung của công ty và hướng đến người tiêu dùng.

Năm 2021 là một năm đáng nhớ, một năm mà chúng tôi rất tự hào về những thành quả đã đạt được. Chào đón năm mới, chúng tôi có nhiều lý do để tin rằng năm 2022 sẽ là một năm thành công hơn nữa của Masan Consumer, trong đó R&D luôn là trụ cột dẫn đầu các phát kiến mới, tiếp tục hành trình chinh phục người tiêu dùng Việt Nam với những sản phẩm thực phẩm ngon, dinh dưỡng, đón đầu xu hướng tiêu dùng mới.



NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘ PHÁ (tiếp theo)

HIỆN DIỆN MUÔN NƠI CHO TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Chúng tôi đã phát triển các điểm bán lẻ lên khoảng 300.000 điểm, trong đó có 194.000 điểm cho tất cả các dòng hàng do Masan Consumer sản xuất và kinh doanh với gần 2.700 nhân viên bán hàng.

Masan Consumer vận hành một trong những mạng lưới phân phối thực phẩm và đồ uống lớn nhất tại Việt Nam. Điều này mang lại lợi thế cạnh tranh đáng kể, như khả năng cung cấp hàng hóa cho người tiêu dùng một cách hiệu quả trong khi giảm được chi phí vận chuyển. Điều này rất quan trọng vì gần 70% dân số Việt Nam hiện sinh sống ở vùng nông thôn và ngành bán lẻ vẫn phụ thuộc chủ yếu vào kênh bán hàng truyền thống. Từ năm 2020 người tiêu dùng có sự chuyển đổi lớn từ kênh bán hàng truyền thống sang kênh bán hàng hiện đại. Điều này thể hiện rõ do tình hình đại dịch Covid-19 xảy ra đồng thời cũng do xu thế đô thị hóa tại các vùng nông thôn. Chúng tôi tin rằng chúng tôi đã định vị đúng để có được lợi thế từ xu hướng tiêu dùng này vì chúng tôi là một phần của The CrownX Corporation, nền tảng bán lẻ - tiêu dùng của Tập đoàn Masan. CrownX là chủ sở hữu của một trong những nhà bán lẻ hiện đại và lớn nhất Việt Nam, Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce (“WCM”, đơn vị điều hành hệ thống siêu thị WinMart và các cửa hàng nhỏ WinMart+). Chúng tôi không mong

đợi nhận được bất kỳ lợi thế thương mại đặc biệt nào, nhưng chúng tôi có được sự tiếp cận người tiêu dùng mọi lúc mọi nơi và củng cố chiến lược tăng thị phần trong kênh bán hàng hiện đại.

Masan Consumer hiện là một trong số ít các công ty ở Việt Nam sở hữu hệ thống phân phối cho cả ngành thực phẩm lẫn đồ uống. Chúng tôi đã phát triển các điểm bán lẻ lên khoảng 300.000 điểm, trong đó có 194.000 điểm cho tất cả các dòng hàng do Masan Consumer sản xuất và kinh doanh với gần 2.700 nhân viên bán hàng. Mạng lưới rộng lớn này cho thấy sức mạnh của mạng lưới phân phối của chúng tôi ở vùng nông thôn, nơi chúng tôi có chiến lược bao phủ và tiếp cận thị trường mạnh mẽ nhất, và đồng thời giúp chúng tôi có được tốc độ tiếp cận thị trường nhanh hơn khi tung ra các sản phẩm mới và các chương trình khuyến mãi.

Với danh mục sản phẩm đa dạng và phong phú, chúng tôi trở thành giải pháp “một đầu mối” cho khoảng 196 nhà phân phối, 100 đại lý chuyên mặt hàng bia và 188 đại lý cho loại bình nước Vĩnh Hảo 20L để có thể đáp ứng các nhu cầu cơ bản hàng ngày của người tiêu dùng Việt Nam, cho phép chúng tôi xây dựng mối quan hệ lâu dài và thân thiết với các nhà phân phối. Hơn nữa, 8 trung tâm phân phối của chúng tôi được đặt ở những địa điểm chiến lược có khả năng phân phối các sản phẩm thực phẩm và đồ uống trong ngày đến từng nhà phân phối trên toàn quốc.

Điều này cũng mang lại cho chúng tôi khả năng độc đáo trong việc thử nghiệm các sản phẩm mới một cách hiệu quả và tiết kiệm chi phí trên khắp Việt Nam. Đồng thời chúng tôi cũng có thể tận dụng các trung tâm phân phối này trong việc phát triển ngành hàng mới - ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình.

Trước tình hình đại dịch cũng như thói quen mua sắm thay đổi của số đông khách hàng, chúng tôi đã từng bước thiết lập nền tảng E-Commerce và tập trung phát triển mạnh trong năm 2022. Hệ thống này cho phép chúng tôi đẩy mạnh khâu phân phối trực tuyến để các sản phẩm được giao đến người tiêu dùng ở bất cứ đâu trong thời gian nhanh nhất.

Với sự sáp nhập của WCM vào công ty mẹ Masan Consumer Holdings để thành lập The CrownX Corporation, chúng tôi hiện là một phần của nền tảng bán lẻ tiêu dùng với gần 3.000 cửa hàng, chúng tôi không mong đợi nhận được bất kỳ lợi thế thương mại đặc biệt nào so với các công ty FMCG khác trên thị trường vì chúng tôi tin rằng điều quan trọng là sản phẩm của chúng tôi có thể tự mình đứng vững và chiến thắng. Nhưng ít nhất chúng tôi có thể đảm bảo sản phẩm của chúng tôi luôn có mặt tại tất cả các kênh phân phối, hiểu rõ hơn về người tiêu dùng để phục vụ người tiêu dùng tốt hơn.

NHÀ MÁY SẢN XUẤT ĐẲNG CẤP THẾ GIỚI



Đến cuối năm 2021, nhiều nhà máy được xây dựng mới, mở rộng và tăng công suất các nhà máy hiện có là để đáp ứng kịp thời việc tăng sản lượng cung cấp cho thị trường.

Chúng tôi tin rằng chất lượng sản phẩm và dịch vụ đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển thương hiệu và thu hút người tiêu dùng. Niềm tin này thúc đẩy Masan Consumer không ngừng nghiên cứu, đầu tư và áp dụng các công nghệ và thiết bị hiện đại, tiên tiến để đáp ứng nhu cầu sản xuất, duy trì lợi thế cạnh tranh đồng thời cung ứng những sản phẩm có chất lượng vượt trội cho người tiêu dùng Việt Nam.

2021 là một năm đầy thách thức do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Tuy vậy, với sự nỗ lực của toàn thể Ban Lãnh đạo và tập thể nhân viên, chúng tôi đã biến giai đoạn thách thức thành cơ hội. Các dây chuyền sản xuất đầu tư từ 2020 đã hoàn thành và đưa vào vận hành theo đúng kế hoạch trong Quý 1/2021 gồm các dây chuyền sản xuất mì tại Nghệ An và Hậu Giang với tổng công suất 9 triệu gói/tháng.

Đến cuối năm 2021, nhiều nhà máy được xây dựng mới, mở rộng và tăng công suất các nhà máy hiện có là để đáp ứng kịp thời việc tăng sản lượng cung cấp cho thị trường. Cùng với việc tận dụng hạ tầng sẵn có, chúng tôi sử dụng các giải pháp kỹ thuật tối ưu và công nghệ hiện đại trên thế giới để sản xuất các sản phẩm chất lượng cao với chi phí phù hợp nhất với người tiêu dùng. Các nhà máy và dây chuyền đầu tư mới đang thực hiện gồm: 2 dây chuyền sữa B'fast với công suất 31 triệu lít/năm/dây sẽ bàn giao vận hành vào đầu tháng 7/2022. Dây chuyền sản xuất mì tại Nghệ An và Hậu Giang với tổng công suất 29,2 triệu sản phẩm/tháng sẽ đưa vào vận hành vào tháng 9/2022. Xưởng sản xuất gói gia vị dành cho mì tại Bình Dương với công suất 4 tỷ gói/năm dự kiến sẽ đưa vào hoạt động trong tháng 2/2022. Ngoài ra việc cải tạo nâng cấp dây chuyền tương ột ở Bình Dương cũng giúp tăng công suất lên 20%; nâng cấp công suất café đóng gói tăng 28%.

NỀN TẢNG TĂNG TRƯỞNG ĐỘT PHÁ (tiếp theo)

ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ “KIÊN ĐỊNH PHỤNG SỰ NGƯỜI TIÊU DÙNG”



Masan nỗ lực hết mình để trở thành nơi làm việc được yêu thích nhất Việt Nam, xây dựng văn hóa đam mê phụng sự người tiêu dùng và đặt người tiêu dùng làm trọng tâm.

Masan Consumer được lãnh đạo bởi các chuyên gia tài năng trong và ngoài nước, đã từng có thành tích trong việc xây dựng nền tảng kinh doanh bền vững và các thương hiệu mang tính biểu tượng tại các thị trường mới nổi. Nhiều lãnh đạo của chúng tôi cũng đồng thời là các cổ đông ủng hộ văn hóa doanh nhân với tinh thần “nói được làm được”. Để tiếp tục phát huy những thành tích đã đạt được, Masan nỗ lực hết mình để trở thành nơi làm việc được yêu thích nhất Việt Nam, xây dựng văn hóa đam mê phụng sự người tiêu dùng và đặt người tiêu dùng làm trọng tâm.

Với chiến lược đặt con người là trọng tâm trong mọi hoạt động của tổ chức, chúng tôi tin rằng tài sản quý giá nhất của công ty chính là con người.

Năm 2021, trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, chúng tôi nỗ lực đảm bảo sức khỏe, an toàn, chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi xứng đáng và hỗ trợ đầy đủ trong thời điểm dịch bệnh bùng phát.

Chúng tôi tự hào là một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, có tầm nhìn dài hạn nhằm thu hút những tài năng và là nơi làm việc khiến mọi nhân viên có thể xây đắp tương lai của họ. Sứ mệnh của chúng tôi không chỉ là cải thiện cuộc sống của người tiêu dùng mà còn xây dựng và phát triển thể hệ doanh nhân lãnh đạo tiếp theo. Để làm được điều này, Bộ phận Nhân sự của chúng tôi tập trung vào bốn lĩnh vực:

- Xây dựng đội ngũ nhân sự mạnh và chuyên nghiệp nhằm phục vụ cho sự phát triển của Công ty tại thời điểm hiện tại và trong tương lai;
- Xây dựng chiến lược khen thưởng, đảm bảo sự nhất quán giữa mức thưởng với thành tích làm việc và cơ hội phát triển lâu dài. Chúng tôi muốn mọi nhân viên đóng góp vào thành công của Công ty sẽ nhận được thành quả tài chính tương xứng. Đó là lý do tại sao chúng tôi cam kết tạo mọi cơ hội cho mỗi cá nhân có điều kiện được đầu tư cho tương lai của mình;
- Xây dựng Hệ thống Quản trị Nhân sự đơn giản, dễ sử dụng và mang lại hiệu quả cao. Thông qua đó giúp nhân viên có thể tối ưu hóa năng lực và tiềm năng cá nhân, tập trung cho các hoạt động phát triển Công ty;
- Xây dựng văn hóa chiến thắng để các nhân tài có thể cùng nhau thành công khi phát triển năng lực lãnh đạo cũng như tinh thần chiến thắng.

“ Với chiến lược đặt con người là trọng tâm trong mọi hoạt động của tổ chức, chúng tôi tin rằng tài sản quý giá nhất của công ty chính là con người ”

Năm 2021, Bộ phận Nhân sự đã đạt được những bước tiến sau:

- Tiếp tục hoàn thiện và đạt kết quả tốt với mô hình “Nhân sự đối tác chiến lược” và “Nhân sự phụ trách riêng cho từng bộ phận phòng ban” cùng đội ngũ nhân sự thực sự hiểu biết và chia sẻ cùng với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Áp dụng hiệu quả quy trình “Đánh giá hiệu quả công việc” đồng nhất trong tất cả các phòng ban và công ty thành viên. Đã có 6.049 nhân viên trong toàn Công ty tham gia hoạt động “Đánh giá hiệu quả công việc” trong năm 2021 vừa qua;
- Trở thành nơi thu hút, nuôi dưỡng những khát vọng và tài năng. Trong năm 2021, Masan Consumer đã thu hút được 7 nhân sự cấp quản lý từ các doanh nghiệp nổi tiếng khác trong thị trường (kể cả đa quốc gia và trong nước). Bên cạnh đó, cùng với các công ty thành viên, chúng tôi tổ chức chương trình “Doanh nhân trẻ Masan” với nhiều cơ hội nghề nghiệp dành cho các bạn trẻ có tiềm năng cao để đào tạo và phát triển cho đội ngũ lãnh đạo trong tương lai;
- Tiến hành việc đánh giá đội ngũ nhân viên và tìm ra các nhân tài nội bộ. Công ty đã thiết kế chương trình đào tạo, phát triển và nuôi dưỡng đội ngũ nhân tài “Spearhead” để đảm bảo việc đào tạo đội ngũ kế cận và kế hoạch kế thừa cho các vị trí trọng yếu; Việc áp dụng mô hình trên đã tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên ngoài việc được trang bị các kỹ năng chuyên môn, còn được chia sẻ kinh nghiệm từ các quản lý trực tiếp cũng như cọ xát trên thực tế công việc. Trong năm 2021, đã có 342 nhân viên được đề bạt đáp ứng các yêu cầu công việc đặt ra.
- Trong khuôn khổ chương trình “Kết nối với các trường Đại học”, chúng tôi tham gia các sự kiện “Career Talk - Định hướng nghề nghiệp” dành cho các sinh viên năm cuối đại học ngay tại các trường như Đại học Bách khoa, Đại học Kinh tế, Đại học Hồng Kông. Tổ chức 9 buổi hội thảo tư vấn trực tuyến để các quản lý cấp cao của công ty theo từng phòng ban với những chủ đề khác nhau đã chia sẻ, định hướng cho gần 2.000 lượt sinh viên về những kiến thức chuyên môn và cả những trải nghiệm từ thực tế làm việc trong một môi trường năng động và phát triển như Masan;
- Năm 2021, chúng tôi tổ chức 508 khóa huấn luyện, các buổi chia sẻ với giáo trình được biên soạn gắn liền với thực tiễn và nhu cầu kinh doanh của Masan. Đã có 2.924 lượt học viên là lãnh đạo cao cấp, nhân tài và nhân viên thuộc tất cả các công ty trực thuộc Masan Consumer tham dự. Các chương trình tập trung phát triển xây dựng nên một đội ngũ kế thừa tiềm năng, với tinh thần chiến thắng, đủ tự tin để đảm nhận những nhiệm vụ được giao.
- Masan Consumer cam kết trở thành nơi làm việc mà các tài năng luôn được nồng nhiệt chào đón và tạo điều kiện để phát huy tối đa tiềm năng của mình. Từ đó, Masan Consumer sẽ đạt được mục tiêu lâu dài một cách bền vững.

DOING WELL BY DOING GOOD

“ Masan Consumer là một trong những doanh nghiệp FMCG hàng đầu tại Việt Nam. Cam kết của chúng tôi là hàng ngày, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng Việt với các sản phẩm giá cả hợp lý và có mặt tại mọi nơi ”



Trên tinh thần đó, chúng tôi đã phấn đấu để trở thành một doanh nghiệp phát triển bền vững với mục tiêu đảm bảo các đối tác đều nhận được lợi ích từ hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Cũng như đối với các công ty khác của Tập đoàn Masan, công ty mẹ của chúng tôi, Masan Consumer cũng xác định phát triển bền vững là một phần không thể thiếu trong chiến lược của chúng tôi. Chúng tôi không những mang đến những nhu yếu phẩm mang lại giá trị cho người tiêu dùng mà còn đóng góp vào việc phát triển xã hội và bảo tồn môi trường.

PHÁT KIẾN MỚI

Sản phẩm đột phá

Chúng tôi tin “Doing well by doing good” chính là tôn chỉ thúc đẩy những con người có chung niềm tin theo đuổi sứ mệnh của mình. Tại Masan, “doing good” không chỉ đơn thuần là làm tròn trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR), mà là trách nhiệm của chúng tôi nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người Việt thông qua các sản phẩm và sáng kiến độc đáo.

Chúng tôi thường tự hỏi: Làm sao để người tiêu dùng Việt Nam chỉ phải trả một nửa chi phí cho những nhu cầu thiết yếu hàng ngày? Làm sao trẻ em vùng nông thôn được thưởng thức những sản phẩm tiện lợi đầy đủ dinh dưỡng như bạn bè trang lứa nơi thành thị? Làm sao để thu hẹp khoảng cách về năng suất và chất lượng sản phẩm của Việt Nam với thế giới?

Để tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó, chúng tôi đã không ngừng thách thức bản thân để mang đến những gì tốt nhất cho người tiêu dùng thông qua các sản phẩm đột phá thành công trên thị trường. Chúng tôi phát triển sản phẩm với quy mô lớn để mang lại giá thành hợp lý cho người tiêu dùng trong tất cả mọi phân khúc sản phẩm và đầu tư mạnh mẽ cho công nghệ mới.

Vui lòng xem thêm phần “Sáng tạo đột phá- Dẫn đầu Phát kiến” để có thêm thông tin chi tiết.

Quản trị thu mua

Nguyên liệu sản xuất chính của Masan Consumer là những nguyên liệu thực phẩm và bao bì đóng gói. Các nguyên liệu chính được sử dụng trong sản xuất gồm bột mì, dầu ăn, cà phê, đường, nước mắm cốt, cá cơm, thịt tươi, rau củ quả tươi, rau củ sấy khô, đậu nành, nước khoáng, các hương liệu và các loại gia vị khác nhau. Ngoài ra, các loại bao bì đóng gói như chai nhựa, chai thủy tinh, thùng carton, nhãn giấy, tô/cốc giấy, màng phức hợp... cũng là các thành phần quan trọng trong chi phí sản xuất sản phẩm của chúng tôi.

Chi phí nguyên liệu nhập khẩu và nguyên liệu có nguồn gốc nhập khẩu trong những năm qua chiếm khoảng 70% tổng chi phí nguyên vật liệu được sử dụng. Nhằm đảm bảo truy xuất nguồn gốc nguyên liệu, chúng tôi có đầy đủ giấy chứng nhận xuất xứ, phân tích, kiểm dịch, chứng nhận nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật không biến đổi gene; các nhà cung cấp trong nước cần có hệ thống kiểm soát chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động vật và các phương pháp canh tác nông nghiệp tốt. Các nhà cung cấp đạt chất lượng trong thời gian dài sẽ được đánh giá là “nhà cung cấp đã được phê duyệt” và sẽ được cam kết hợp tác theo hợp đồng hàng năm.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, việc cung cấp nguyên liệu đầu vào ổn định với chi phí hợp lý càng trở nên khó khăn hơn; do đó, chúng tôi đã thực hiện chiến lược hedging (quản lý rủi ro tăng giá nguyên vật liệu đầu vào) để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu đầu vào ổn định cho sản xuất và giảm thiểu việc biến động giá thành sản phẩm đối với người tiêu dùng.

Masan Consumer tin rằng với một mạng lưới các đối tác, nhà cung cấp chiến lược nội địa, khu vực và toàn cầu đảm bảo công ty không phụ thuộc vào bất kỳ một nhà cung cấp nào theo yêu cầu của mình. Chất lượng và nguồn cung nguyên vật liệu đầu vào ổn định là yếu tố bắt buộc để công ty có thể mang đến các sản phẩm có chất lượng cao nhất cho người tiêu dùng. Đây là một thách thức và cũng là trách nhiệm của Công ty và chúng tôi chỉ có thể đạt được kết quả tốt nhất khi tạo được mối quan hệ lâu dài với các nhà cung cấp chiến lược theo nguyên tắc “cùng nhau chiến thắng” (“win-win”).

An toàn lao động

Nhân viên là tài sản quý giá nhất của chúng tôi. Chúng tôi cam kết đảm bảo chất lượng cuộc sống cho toàn thể nhân viên được thể hiện qua các chính sách an toàn lao động hiệu quả. Chúng tôi chịu trách nhiệm cung cấp cho nhân viên các thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh môi trường tốt để làm việc. Chúng tôi cũng thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ nhân viên về các hành vi phù hợp an toàn lao động cho bản thân và cho người khác, và áp dụng kiến thức này trong cuộc sống hàng ngày.

Trong năm 2021, dù tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nhưng chúng tôi đã cố gắng thực hiện giãn cách và tổ chức trực tuyến 9.719 giờ huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, PCCC, sơ cấp cứu... cho hơn 7.390 lượt nhân viên. Bên cạnh huấn luyện nâng cao tri thức, chúng tôi đã cải tiến nâng cấp thiết bị truyền động, lắp đặt máy móc mới, dây chuyền sản xuất hiện đại tại các nhà máy, cải tạo nhà xưởng giúp giảm tối đa nguy cơ mất an toàn cho tất cả các nhân viên.

Các nhà máy của chúng tôi đạt các tiêu chuẩn về sản xuất HACCP, ISO 9001 (Hệ thống quản lý chất lượng), ISO 22000 (Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm) và SA8000 (Chứng nhận hệ thống trách nhiệm xã hội), BRC, FSSC, HALAL, ISO 14001, ISO 45001 (Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe người lao động).

DOING WELL BY DOING GOOD (tiếp theo)

BỀN VỮNG VỀ NHÂN LỰC

“ Với mục tiêu đó, chúng tôi tự hào trở thành một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ”

Tổng số CBCNV

6.049

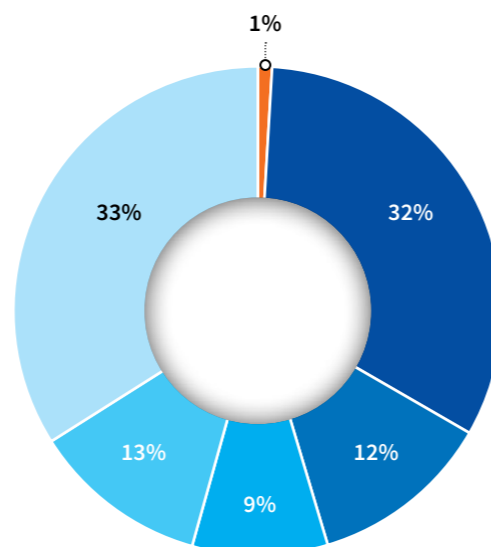
Những thành tựu của Masan đều được tạo nên từ tài sản quý giá nhất của công ty - Nguồn nhân lực. Vì lẽ đó, chúng tôi cam kết thu hút và phát triển nhân tài, đồng thời đào tạo và truyền cảm hứng để họ cảm thấy tự hào khi là một thành viên của cộng đồng Masan. Chúng tôi tạo ra một môi trường làm việc công bằng và bình đẳng để duy trì một văn hóa công ty thúc đẩy thành công.

Với mục tiêu đó, chúng tôi tự hào trở thành một trong những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam. Mục tiêu nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người Việt Nam, bên cạnh sứ mệnh phụng sự người tiêu dùng, còn hướng đến những nhân viên nội bộ của chúng tôi. Chúng tôi tạo ra môi trường lao động hấp dẫn, tạo cơ hội việc làm, đóng góp vào sự phát triển chung về an sinh xã hội tại các địa phương nói riêng và cả nước nói chung.

Tính đến hết ngày 31/12/2021, Masan Consumer có 6.049 cán bộ công nhân viên, gồm 3.866 nam (64%) và 2.183 nữ (36%) và đội ngũ này được đào tạo bài bản và có trình độ chuyên môn cao.

Tình hình nhân sự của Masan Consumer phân theo trình độ như sau:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ
Trên Đại học	52	1%
Đại học	1.918	32%
Cao đẳng	705	12%
Trung cấp	528	9%
PTTH	824	13%
PTCS	2.022	33%



Ghi chú: Tỷ lệ nhân viên có trình độ học vấn từ Trung cấp trở xuống phần lớn bao gồm lao động trực tiếp của các nhà máy, kho hàng, lái xe, tạp vụ.



Tổng số Nhà máy

15

Hiện tại, chúng tôi có 15 nhà máy tại 10 tỉnh thành trên cả nước, bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh, Phú Quốc, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Ninh Thuận, Nghệ An, Hải Dương, Hậu Giang và Quảng Ninh. Nhằm tạo điều kiện phát triển cho địa phương, chính sách nhân sự của chúng tôi luôn ưu tiên tuyển dụng lao động địa phương và thường xuyên đào tạo đội ngũ nhân sự để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của ngành.

DOING WELL BY DOING GOOD (tiếp theo)

BỀN VỮNG VỀ NHÂN LỰC (tiếp theo)

Chính sách nhân sự của chúng tôi tuân thủ các quy định trong Bộ luật Lao động nhằm tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên:

Chế độ làm việc & đảm bảo việc làm

Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động thông qua việc định hướng phát triển Doanh nghiệp, mở rộng thị phần của Công ty. Masan Consumer tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất và cam kết luôn tạo điều kiện để nhân viên phát triển và thăng tiến trong nghề nghiệp. Để giải quyết việc làm cho gần 6.049 lao động, Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tìm cách đa dạng hoá ngành nghề, tìm kiếm những khách hàng tiềm năng, những đối tác mới trong và ngoài nước, mở rộng thị trường kinh doanh;

Nghỉ phép, Lễ, Tết

Nhân viên được nghỉ lễ và Tết theo quy định của bộ Luật Lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc đủ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm;

Điều kiện làm việc

Các văn phòng của Masan Consumer được thường xuyên mở rộng và nâng cấp với trang thiết bị hiện đại và trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động. Công ty cam kết tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện cho tất cả nhân viên để khuyến khích năng suất và sáng tạo;

Chế độ lương

Công ty thực hiện việc chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc của nhân viên, năng lực, chức vụ, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty. Masan thực hiện xem xét điều chỉnh lương cho CBCNV hàng năm và luôn có sự quan tâm thường xuyên đến thu nhập, đời sống CBCNV;

Chế độ thưởng

Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng thiết thực hàng năm cho cá nhân và khen thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc. Công ty thực hiện khen thưởng xứng đáng, kịp thời cho việc đóng góp tạo ra giá trị, nâng cao hiệu quả trong công việc, phát huy tinh thần sáng kiến cải tiến, tiết giảm chi phí, tăng tính cạnh tranh cho Công ty. Công ty đã ban hành chính sách thưởng bằng cổ phiếu cho các cá nhân xuất sắc, có đóng góp đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; Trong năm 2021, chúng tôi xây dựng thêm chương trình thưởng động viên cho các cá nhân, phòng ban có đóng góp xuất sắc trong việc phòng chống dịch Covid-19, giữ vững hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;

Bảo hiểm và phúc lợi

Công ty tham gia đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm y tế cho tất cả CBCNV. Ngoài ra, Công ty còn mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CBCNV của Công ty. Với CBCNV cấp chuyên viên trở lên, Công ty còn mua thêm Bảo hiểm sức khoẻ nhằm chăm sóc sức khoẻ của nhân viên thông qua hệ thống bệnh viện trong nước và quốc tế hàng đầu tại Việt Nam. Đặc biệt, trước những ảnh hưởng nặng nề của Covid-19 mà Việt Nam đối mặt trong năm 2021, Masan Consumer đã cung cấp các gói hỗ trợ với tổng giá trị hơn 10 tỷ VNĐ để hỗ trợ người bị ảnh hưởng bởi Covid-19 bao gồm xét nghiệm nhanh, khẩu trang, dung dịch rửa tay sát khuẩn và Vitamin C cho toàn bộ nhân viên tại các văn phòng trung tâm, các nhà máy sản xuất.

Chính sách xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

Chúng tôi áp dụng các chính sách tốt nhất giúp Công ty luôn thu hút và giữ được các nhân sự.

- **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Tuy vậy, tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, năng lực, tinh thần làm chủ, học hỏi, sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác, khả năng lãnh đạo, tinh thần doanh nhân... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời sự đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển;
- **Đào tạo:** Masan Consumer luôn luôn ý thức rằng con người là tài sản quý giá của doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ đến vấn đề đào tạo, phát triển nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá huấn luyện nội bộ và bên ngoài để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, học tập những kỹ năng mới cần thiết cho nhân viên để phát triển năng lực công tác nhằm đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty đài thọ 100% chi phí học tập cũng như chế độ lương trong thời gian học tập;
- **Giữ gìn nhân tài:** Chiến lược nhân tài của chúng tôi rất rõ ràng, bao gồm: Công ty cho nhân viên được trải nghiệm và lãnh đạo, đánh giá nhân viên theo năng lực thực tế, thường xuyên đào tạo kỹ năng chuyên môn lẫn kỹ năng mềm và đảm bảo chất lượng cuộc sống của nhân viên. Chúng tôi còn có các kế hoạch huấn luyện dài hạn nhằm chuẩn bị hành trang cho các nhân viên giỏi trở thành những nhà lãnh đạo tương lai.

BỀN VỮNG VỀ MÔI TRƯỜNG

“ Chúng tôi hoàn toàn tự tin về việc tuân thủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam ”

Tổng diện tích trồng cây xanh

20%

Tại Masan, chúng tôi luôn nghiêm túc đánh giá các tác động đến môi trường. Chúng tôi đảm bảo các cơ sở sản xuất đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Do đó, các biện pháp xử lý chất thải và sử dụng tài nguyên bền vững là yêu cầu bắt buộc trong tất cả nhà máy chúng tôi. Khi bắt đầu lên kế hoạch cho bất kỳ dự án mới nào, chúng tôi luôn tính toán trước các ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, từ đó lên các phương án bảo vệ môi trường phù hợp trước khi thực hiện dự án.

Công việc kinh doanh của chúng tôi tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật Việt Nam và địa phương về môi trường, như thực hiện các biện pháp đánh giá, giám sát và bảo vệ môi trường, thường xuyên thực hiện quan trắc môi trường, kiểm định máy móc thiết bị nhà xưởng, phòng cháy chữa cháy và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra và báo cáo định kỳ. Trong quá trình sản xuất, nước thải vệ sinh và nước thải công nghiệp từ các nhà máy của chúng tôi được xử lý theo các quy định chặt chẽ trong nước và quốc tế. Để đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, chúng tôi đã lắp đặt các trang thiết bị bảo vệ môi trường, tái chế chất thải trong trường hợp có thể, bao gồm chất thải rắn, lỏng và khí.

Bộ phận Pháp chế và Tuân thủ của chúng tôi kết hợp với Bộ phận An toàn, Sức khỏe và Môi trường (SHE) có trách nhiệm giám sát việc tuân

thủ pháp luật và các quy định về môi trường trên toàn quốc.

Ngoài ra, bộ phận kỹ thuật của từng công ty con của chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm mẫu chất thải định kỳ để giám sát việc tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường. Chúng tôi hoàn toàn tự tin về việc tuân thủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam. Ngoài ra, chúng tôi cũng đáp ứng được tất cả các quy định nghiêm ngặt từ các khách hàng quốc tế lẫn các đơn vị quản lý hàng hóa nhập khẩu ở nước ngoài.

Năm 2021, chúng tôi tập trung phát triển giải pháp kỹ thuật để không ngừng cải thiện các hệ thống xử lý nước xả thải tại đầu nguồn, xử lý khí thải đảm bảo các chỉ tiêu luôn đáp ứng năng lực vận hành của các Hệ thống xử lý nước thải và tuân thủ pháp luật môi trường Việt Nam. Ngoài ra, tại các nhà máy chính của chúng tôi, 20% tổng diện tích khuôn viên được dành cho trồng cây xanh để đảm bảo nơi làm việc xanh - thân thiện môi trường.

Chúng tôi cũng chuyển đổi và cập nhật thành công hệ thống quản lý An toàn và Sức khỏe từ tiêu chuẩn ISO 18000 lên phiên bản mới ISO 45001 bên cạnh duy trì các tiêu chuẩn về môi trường ISO 14001 nâng cao hiệu quả quản lý.

Do đó, chúng tôi tin rằng Công ty chúng tôi là doanh nghiệp hàng đầu trong nước về đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường trong ngành.

Nguồn nước

Tại Masan, bảo vệ tài nguyên nước là một trong những vấn đề được ưu tiên. Chính sách sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước có trách nhiệm được chúng tôi thực hiện bằng cách áp dụng những giải pháp công nghệ tiên tiến, nhờ vậy, chúng tôi có thể quản lý nguồn nước hiệu quả hơn bao giờ hết.

Chúng tôi hướng đến mục tiêu xây dựng được hệ thống xử lý nước thải tốt nhất. Điều đó được chứng minh qua mức đầu tư lớn của chúng tôi vào các hệ thống xử lý nước thải và áp dụng các quy chuẩn khắt khe nhất để giám sát những tác động của hoạt động nhà máy đến môi trường xung quanh.

Chúng tôi đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải hiện đại do đối tác Hà Lan thiết kế

tại các nhà máy ở Bình Dương, Hải Dương và Nghệ An. Tất cả các mẫu nước thải đầu ra đều đạt tiêu chuẩn loại A - tiêu chuẩn cao nhất Việt Nam.

Masan Consumer cũng là một trong những đơn vị tiên phong trong minh bạch hóa quy trình xử lý nước thải thông qua việc lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, báo cáo trực tiếp và liên tục với Sở Tài nguyên và Môi trường Bình Dương.

Năm 2021, chúng tôi sử dụng trên 2,3 triệu m³ nước cho công nghiệp và dân sinh. Toàn bộ nước thải được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải công nghệ cao, trong đó, khoảng 7% lượng nước thải của chúng tôi được tái sử dụng để tưới cây và vệ sinh nhà máy.

Năng lượng sạch và tái tạo

Môi trường toàn cầu đang chịu những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu và một quốc gia có bờ biển trải dài như Việt Nam sẽ chịu những tác động bất lợi nhất. Chúng tôi cam kết giảm khí thải carbon thông qua việc tiết kiệm năng lượng và tối ưu hóa nguồn lực hiện có của chúng tôi.

Tại Masan Consumer, chúng tôi đã thực hiện chương trình “Ý tưởng tiết kiệm năng lượng” và đã đạt được những thành quả như sau:

- Tối ưu hóa quy trình sản xuất, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ bằng cách như tận dụng nhiệt bị mất đi trong quá trình chiên và vô trùng sản phẩm, tránh sử dụng các quy trình làm thay đổi nhiệt, áp dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng.
- Huấn luyện nhân viên về lợi ích của thói quen tiết kiệm điện bằng việc thường xuyên vệ

sinh máy móc, dụng cụ nhằm đạt được thành phẩm đầu ra tốt nhất và giảm thiểu hư hỏng, tích cực sử dụng điện sản sinh từ tự nhiên hơn dùng máy phát điện, tiết kiệm nước và tăng cường sử dụng nguyên liệu tái chế.

- Chúng tôi áp dụng công nghệ biogas từ trấu và mùn cưa để tạo năng lượng cho toàn bộ nhà máy. Đây là một nguồn năng lượng không những thân thiện với môi trường, chi phí thấp mà còn giúp tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương.

Trong năm 2021, chúng tôi đã sử dụng hơn 297 triệu tấn hơi từ việc đốt lò hơi chạy bằng dầu DO hoặc Biomass (từ mùn cưa, vỏ trấu...). Chúng tôi cũng đã tiêu thụ 116 triệu Kw điện. Chúng tôi tin rằng những sáng kiến trên giúp cho các nhà máy nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và bảo vệ môi trường.

DOING WELL BY DOING GOOD (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Nâng cao đời sống cộng đồng

Tại Masan Consumer, chúng tôi tập trung vào các cơ hội phát triển con người, thúc đẩy những thay đổi tích cực trong xã hội và chia sẻ với tất cả các đối tác về giá trị của phát triển và tăng trưởng bền vững.

Chăm lo sức khỏe cộng đồng

Masan Consumer luôn tìm những cơ hội để nâng cao sức khỏe cộng đồng thông qua những hoạt động thiết thực và ý nghĩa.

Năm 2021, đại dịch Covid-19 đã gây ảnh hưởng nặng nề đến đời sống kinh tế và xã hội của Việt Nam. Tình hình dịch căng thẳng phức tạp làm đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh và cuộc sống của khu vực phía Nam và cả nước. Trước tình hình này, để đảm bảo sản xuất kinh doanh không bị đứt gãy để cung cấp hàng hóa

thực phẩm thiết yếu cho thị trường, Masan Consumer nhanh chóng tham gia đóng góp và thực hiện liên tục các chương trình hỗ trợ người dân và lực lượng tuyến đầu chống dịch Covid-19 để cùng chung sức, chung lòng, chung tay đóng góp vào nỗ lực phòng chống dịch Covid-19. Masan Consumer đã đóng góp hơn 100 tỷ đồng trực tiếp và gián tiếp thông qua các cơ quan quản lý nhà nước về y tế, các cơ sở, bệnh viện khám chữa bệnh điều trị Covid-19 nhằm chăm sóc người bệnh, hồi phục sản xuất kinh doanh và ổn định cuộc sống tinh thần cho cộng đồng.

Trước nhu cầu khẩn cấp về các thiết bị y tế thiết yếu để điều trị bệnh nhân Covid-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành trong cả nước, Masan Consumer đã kịp thời hỗ trợ các thiết bị y tế hiện đại gồm 8 hệ thống máy trao đổi Oxy ngoài cơ thể (ECMO), 65 máy thở oxy xâm lấn và không xâm lấn, 50 máy truyền dịch tự động, 20 màn hình theo dõi bệnh, gần 100.000 kit test nhanh, trên 100.000 bộ đồ bảo hộ y tế, hàng trăm ngàn khẩu trang y tế, cồn xit khuẩn, găng tay y tế, cho các bệnh viện tuyến đầu tại Tp.HCM, Hà Nội, Hải Dương, Nghệ An, Phú Yên, Đồng Nai, Bình Dương, Long An...

Ngoài thiết bị y tế chuyên dụng, Masan Consumer còn hỗ trợ cơ sở lưu trú cho Y bác sĩ Bệnh viện Trưng Vương nơi điều trị tập trung Covid-19 đầu tiên tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời cung cấp các nhu yếu phẩm thiết yếu đến các lực lượng chống dịch tuyến đầu như nước uống tăng lực, mì ăn liền, xúc xích, cà phê...

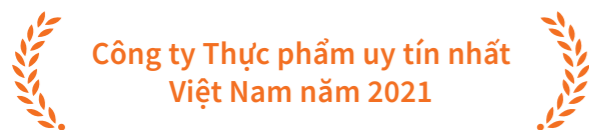
Vừa hỗ trợ lực lượng tuyến đầu chống dịch, chúng tôi cũng cùng Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Mặt trận Tổ quốc Thành phố Hồ Chí Minh, các trung tâm công tác xã hội, cơ quan đoàn thể thành phố và các tỉnh thành cùng chăm lo cho người dân vùng dịch hàng tấn thực phẩm thiết yếu như thịt, sữa, mì, xúc xích, cà phê, nước uống cho những người bị thiếu thực phẩm trong thời gian giãn cách xã hội.



DOING WELL BY DOING GOOD (tiếp theo)

GIẢI THƯỞNG

Cam kết phát triển bền vững của chúng tôi đã mang lại những thành quả sau nhiều năm thực hiện, được thể hiện bởi số lượng giải thưởng và bằng khen của các tổ chức đánh giá thương hiệu cả trong và ngoài nước.



Công ty Thực phẩm uy tín nhất Việt Nam năm 2021

Masan Consumer tự hào là Công ty Thực phẩm uy tín nhất Việt Nam năm 2021 lần thứ 4 liên tiếp theo kết quả của Vietnam Report



Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh 2021-2022

Masan Consumer tự hào là Công ty thực phẩm uy tín nhất Việt Nam được công nhận Thương hiệu Vàng Thành phố Hồ Chí Minh 2021-2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh



Top 10 Công ty uy tín Ngành Đồ uống Việt Nam năm 2021

Vinacafé Biên Hòa vinh dự đứng trong “Top 10 Công ty uy tín Ngành Đồ uống Việt Nam năm 2021” theo Vietnam Report



Thương hiệu Quốc gia 2020-2022

Vinacafé Biên Hòa tiếp tục được công nhận là Thương hiệu Quốc gia 2020-2022. Đây là lần thứ 7 liên tiếp (từ 2008 đến 2022) Vinacafé Biên Hòa được vinh danh



HƯỚNG VỀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tại Masan, phát triển bền vững nghĩa là sự dung hòa giữa hiệu quả của doanh nghiệp với môi trường và con người xung quanh. Chọn con đường phát triển theo triết lý “**Doing well by doing good**”, Masan tự hào là doanh nghiệp dẫn đầu trên nền tảng quan điểm kinh doanh bền vững, tạo những kỳ tích mang dấu ấn của chính mình.

Đối với chúng tôi, thành công không dừng lại ở những con số biết nói mà niềm hạnh phúc lớn nhất là nhìn thấy và cảm nhận những đổi thay tích cực trong đời sống hằng ngày. Đó là khát khao giúp cho người tiêu dùng Việt có thể chi trả ít hơn nhu cầu cơ bản hằng ngày của họ, giúp họ có cơ hội cải thiện cuộc sống và đầu tư vào tương lai.

“ **Doing well by doing good** ”

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

KHÁI QUÁT



“ Masan Consumer dự kiến năm 2022 sẽ tiếp tục đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số nhờ tiếp tục chiến lược cao cấp hóa các ngành hàng chính và sự gia tăng đáng kể cơ hội của các ngành hàng trụ cột mới như ngành hàng thịt chế biến và chăm sóc cá nhân và gia đình. ”

Sau hai năm chiến đấu với đại dịch Covid-19, không chỉ thoát khỏi bóng đen suy thoái, kinh tế thế giới trong năm 2021 đã phục hồi nhanh hơn kỳ vọng. Dù tăng trưởng kinh tế không đồng đều và rủi ro từ các biến chủng mới, gián đoạn chuỗi cung ứng và áp lực lạm phát, song chúng tôi nhận thấy năm 2022 là một năm đầy hứa hẹn, với tỷ lệ tiêm chủng cao hơn cùng các chính sách hỗ trợ và tăng trưởng của Chính phủ.

Tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2021 ước đạt 5,5% so với mức tăng trưởng âm 3,6% của năm 2020 (nguồn từ IMF). Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế thế giới đang đối mặt với sức ép kép của lạm phát và dịch bệnh khi chủng mới gia tăng. Các biện pháp hạn chế đi lại có thể làm trầm trọng thêm tình trạng thiếu nguồn cung, tắc nghẽn chuỗi sản xuất và thương mại quốc tế. Sự kết hợp giữa hai yếu tố giá cả tăng và tăng trưởng giảm có khả năng dẫn đến "kịch bản" không mong muốn của nền kinh tế là lạm phát kèm suy thoái.

Tại Việt Nam, bất chấp tác động mạnh mẽ của biến thể Delta của Covid-19, nền kinh tế Việt Nam năm 2021 vẫn duy trì tăng trưởng dương, GDP đạt 2,58% dù thấp hơn mức 2,91% so với năm 2020, nhờ vào sự phục hồi kinh tế nhanh chóng trong Quý 4 năm 2021 cùng chỉ số CPI thấp. Tuy nhiên, năm 2022 có thể vẫn còn nhiều thách thức vì lạm phát khả năng cao sẽ quay trở lại do giá dầu tăng cùng với tỷ lệ thất nghiệp/ doanh nghiệp đóng cửa ở mức cao.

Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rộng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của

cả nền kinh tế, trong đó có ngành hàng tiêu dùng bao gồm cả Masan Consumer. Với việc phong tỏa, giãn cách xã hội diễn ra 4 tháng liên tục từ tháng 6 đến tháng 9 năm 2021, dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của chúng tôi đã gặp nhiều khó khăn và đầy thách thức, nhất là chuỗi cung ứng bị gián đoạn, chi phí nguyên vật liệu tăng, nhân lực sản xuất thiếu hụt. Tuy nhiên, chúng tôi đã nỗ lực tối đa để duy trì sản xuất, đảm bảo nguồn cung cho thị trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước cũng như nhu cầu cấp thiết của người tiêu dùng. Kết quả là năm 2021, doanh thu thuần tăng trưởng 19% lên 27.774 tỷ đồng so với 23.343 tỷ đồng trong năm 2020. Kết quả đó có được là do ngành hàng thực phẩm tiện lợi tăng trưởng vượt trội với 25,4% so với 2020, nhờ tăng trưởng ở hai nhãn hàng Omachi và Kokomi được người tiêu dùng ưa chuộng. Ngành hàng thịt chế biến đạt mức tăng trưởng đột phá với 51,7% nhờ ra mắt sản phẩm mới. Doanh thu ngành hàng gia vị đã tăng 18,8% trong năm 2021 nhờ cao cấp hóa ngành hàng gia vị. Ngành hàng cà phê đã lấy lại phong độ với mức tăng trưởng 10% nhờ có phát kiến mới vượt trội với bộ đôi sản phẩm cà phê Wake-up Đen đá và Nâu đá. Ngành nước uống giảm nhẹ doanh số so với năm 2020. Ngành hàng chăm sóc cá nhân và gia đình (HPC) dù là ngành hàng mới của Masan nhưng đã tăng trưởng 20% so với năm 2020.

Về lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận gộp năm 2021 là 42,5 %, giữ được tỷ lệ so với năm 2020 mặc dù chi phí nguyên vật liệu cao hơn. Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho Cổ đông Công ty năm 2021 đạt 5.526

tỷ đồng, tăng 20% so với 4.598 tỷ đồng năm 2020, nhờ doanh thu thuần tăng và tối ưu hóa chi phí bán hàng, tiếp thị.

Masan Consumer dự kiến năm 2022 sẽ tiếp tục đạt tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận hai con số nhờ tiếp tục chiến lược cao cấp hóa các ngành hàng chính và sự gia tăng đáng kể cơ hội của các ngành hàng trụ cột mới như ngành hàng thịt chế biến và chăm sóc cá nhân và gia đình. Chúng tôi tin rằng đà tăng trưởng này vẫn tiếp tục trong năm 2022. Dự báo tăng trưởng năm 2022 của Masan Consumer sẽ được chia sẻ chi tiết hơn tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Doanh thu thuần 2021

27.774 tỷ đồng

Tăng trưởng 19% so với 2020

Lợi nhuận thuần sau thuế

5.526 tỷ đồng

Tăng trưởng 20% so với 2020

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi chủ yếu tại Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi phụ thuộc rất lớn vào sự bình ổn của kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế của Việt Nam cũng như các yếu tố bên ngoài như sự phát triển kinh tế trên toàn châu Á và thế giới có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Masan.

Dự đoán giá nguyên liệu đầu vào chủ chốt của Masan trong năm 2022 sẽ tăng cao. Các nhà cung cấp đóng vai trò quan trọng để xác định chi phí đầu vào của sản phẩm. Do đó, sẽ tác động xấu dẫn đến biên lợi nhuận giảm trong những ngành kinh doanh của Masan. Ngoài ra, một số yếu tố kinh tế: lạm phát, lãi suất ngân hàng tăng, và tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến chi phí vốn và ảnh hưởng đến chiến lược mở rộng phát triển kinh doanh của Chúng tôi.

THỊ TRƯỜNG HÀNG TIÊU DÙNG TẠI VIỆT NAM

Năm 2021 thị trường hàng tiêu dùng Việt Nam trải qua một năm đầy khó khăn khi làn sóng dịch Covid-19 thứ tư bùng phát tại các thành phố lớn, đặc biệt là khu vực phía Nam. Giãn cách, phong tỏa nghiêm ngặt, đứt gãy chuỗi cung ứng, thiếu hụt lực lượng lao động, các nhà máy cơ sở sản xuất phải đóng cửa hoàn toàn hoặc một phần đã dẫn đến tâm lý hoang mang lo lắng của người tiêu dùng. Tăng trưởng của ngành hàng tiêu dùng chậm lại so với đỉnh cao năm 2020 do khối lượng tiêu thụ giảm. Trong năm thứ 2 của đại dịch, Thực phẩm đóng gói và Sữa & sản phẩm từ sữa tiếp tục là hai ngành hàng thúc đẩy tăng trưởng ở 4 thành phố chính và vùng nông thôn. Trong khi đó, thức uống chịu tác động tiêu cực trong làn sóng thứ 4 của đại dịch, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Việc chi tiêu tiêu dùng giảm là do tỷ lệ thất nghiệp cao và thu nhập thấp. Sau khi giãn cách xã hội được dỡ bỏ, triển vọng kinh tế và tình hình tài chính được cải thiện trong Quý 4/2021 nhờ tỷ lệ tiêm chủng cao, sản xuất kinh doanh bắt đầu hồi phục nhanh, tuy nhiên vẫn chưa trở lại mức như trước đại dịch.

Thói quen tiêu dùng của người tiêu dùng Việt Nam đã thay đổi rõ rệt từ khi dịch Covid-19 bùng phát năm 2020 và càng khẳng định rõ hơn nữa trong năm 2021 khi xã hội phải giãn cách, phong tỏa nghiêm ngặt, số lượng người lao động phải làm việc tại nhà cũng như tập trung tại các cơ sở sản xuất, nhà máy trong thời gian dài. Sức khỏe, an toàn thực phẩm và sự tiện lợi là mối quan tâm hàng đầu của các hộ gia đình. Do điều kiện làm việc phải “làm tổ tại nhà”, các sản phẩm có thương hiệu, đóng gói sẵn, sữa và các sản phẩm từ sữa đã thúc đẩy tăng trưởng ở cả thành thị và nông thôn. Doanh số bán lẻ trực tuyến tăng do người tiêu dùng thích sử dụng các kênh mua sắm trực tuyến, dịch vụ giao hàng tận nơi và các chợ nhỏ lân cận hơn là các kênh trực tiếp như chợ ẩm thực, cửa hàng thương mại tổng hợp hoặc siêu thị lớn.

Trong năm 2022, khi đại dịch vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn thì người tiêu dùng vẫn sẽ hợp lý hóa chi tiêu của mình hơn. Tuy nhiên, mặc dù tiết kiệm hơn, đặc biệt là với các mặt hàng tùy ý, họ cởi mở hơn để chi tiêu cho tiêu dùng trong nhà và chi trả nhiều hơn cho các lựa chọn tốt cho sức khỏe.

NGÀNH HÀNG THỰC PHẨM TIỆN LỢI

Doanh thu thuần 2021

8.629 tỷ đồng

Tăng trưởng 25,4% so với 2020

Năm 2021, doanh thu thuần của ngành hàng thực phẩm tiện lợi Masan Consumer đạt 8.629 tỷ đồng, tăng trưởng 25,4% so với năm 2020. Omachi tăng 25,1% và Kokomi tăng trưởng 33,5% so với cùng kỳ. Thành công của ngành thực phẩm tiện lợi là nhờ vào việc Kokomi 90 vươn lên mạnh mẽ trong phân khúc mì trung cấp, và giữ vững mức độ đầu tư cho 2 thương hiệu Omachi & Kokomi.

Năm 2021, sự thành công của ngành hàng thực phẩm tiện lợi trong phân khúc cao cấp còn được ghi dấu thông qua việc giới thiệu đến người tiêu dùng Bộ sản phẩm ăn sáng Chin-Su. Lần đầu tiên trên thị trường đón nhận sự xuất hiện của một bộ bữa sáng 7 ngày 7 món với đầy đủ dinh dưỡng từ thịt thật nguyên miếng. Chuẩn bị tiện lợi trong 5 phút để có bữa sáng chất lượng tại nhà, đặc biệt là trong thời gian giãn cách xã hội, các gia đình đang tìm kiếm các bữa ăn tiện lợi ngon phù hợp với khẩu vị yêu thích của các thành viên trong gia đình.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

NGÀNH HÀNG GIA VỊ

Doanh số ngành hàng gia vị năm 2021 đạt 10.028 tỷ đồng bao gồm cả xuất khẩu, tăng trưởng 18,4% so với năm 2020 nhờ cao cấp hóa ngành hàng gia vị và phục vụ nhu cầu gia vị tăng mạnh trong một năm người tiêu dùng dành nhiều thời gian nấu nướng tại nhà. Nước mắm Chin-Su, Nam Ngư là 1 phần gia vị thiết yếu trong mỗi bữa cơm gia đình, luôn luôn cải tiến sản phẩm ngon hơn, tốt hơn vì sức khỏe người tiêu dùng. Các sản phẩm nước mắm Masan đã áp dụng công nghệ sản xuất giảm hàm lượng muối để cải thiện sức khỏe tim mạch. Thương hiệu Chin-Su đạt doanh số chiếm ~30% toàn ngành hàng Gia Vị. Các phát kiến mới dòng cao cấp được người tiêu dùng hào hứng đón nhận và khen ngợi:

- Hạt nêm Chin-Su Ngọt Thanh gấp 5 lần Xương Hàm Cô đặc là sản phẩm Hạt nêm có vị ngọt từ hàm lượng Xương hàm cao nhất trong ngành hàng;
- Tương Ớt Chin-Su tăng trưởng 40% nhờ chiến dịch tiếp thị của chúng tôi nhấn mạnh sự “bùng vị” cho vạn món ngon. Mỗi món ăn được chấm hoặc chế biến cùng với tương ớt Chin-Su sẽ càng tăng thêm hương vị cay cay, thơm thơm cho cả gia đình cùng thưởng thức.

Doanh số Ngành hàng gia vị

10.028 tỷ đồng

Tăng trưởng 18,4% so với 2020



NGÀNH ĐỒ UỐNG ĐÓNG CHAI

Doanh số Ngành đồ uống đóng chai

3.654 tỷ đồng

Ngành hàng đồ uống đóng chai của Việt Nam trong năm 2021 phải vật lộn với mức tăng trưởng âm khoảng 2-8% ở cả khu vực thành thị và nông thôn (nguồn: Kantar Worldpanel 2021) do bị tác động mạnh bởi giãn cách xã hội trong làn sóng dịch thứ 4 kéo dài.

Doanh thu thuần cho ngành hàng đồ uống của Masan Consumer đạt 3.654 tỷ đồng, tăng trưởng âm (-2%) so với năm 2020. Trong thời gian này chúng tôi tranh thủ cơ hội để giới thiệu các phát kiến mới như Wake-up 247 đồ cafe mạnh, Hồ Vắn chai Pet, Vivant Đỏ, Wake-up Cola để kích thích tiêu dùng tại nhà.

Dự kiến năm 2022, Masan Consumer quyết liệt lấy đà tăng trưởng trở lại, với mục tiêu doanh số trên 6.000 - 6.500 tỷ thông qua việc giới thiệu sản phẩm mới, xác lập mô hình phân phối mới, mô hình kích thích trial phù hợp với “tình hình bình thường mới”.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ VÀ THỨC ĂN THỨC UỐNG DINH DƯỠNG

Doanh số Ngành hàng cà phê và thức ăn thức uống dinh dưỡng

2.197 tỷ đồng

Tăng trưởng 20% so với 2020

Ngành hàng cà phê của Masan Consumer đã triển khai thành công kế hoạch tiếp thị và ra mắt các phát kiến mới, thâm nhập vào phân khúc 2in1 và 3in1 cao cấp với bộ đôi Wake-up Đen Đá và Nâu Đá Việt Nam, với 21 - 24% thị phần. Ngành hàng cà phê đạt doanh số 1.569 tỷ đồng, tăng 10,2% so với năm 2020 nhờ đầu tư xây dựng thương hiệu mạnh hơn để hỗ trợ cho hai nhãn hiệu Vinacafé và Wake-up trở thành các nhãn hiệu cà phê số 1 tại Việt Nam.

Ngành hàng thức ăn và thức uống dinh dưỡng tại Masan Consumer tăng trưởng vượt trội 54% so với 2020 nhờ mở rộng danh mục sản phẩm thêm phát kiến mới ngũ cốc ít đường và tăng phạm vi phân phối toàn quốc sữa lúa mạch B'fast.



NGÀNH THỊT CHẾ BIẾN

Doanh số Ngành thịt chế biến

1.276 tỷ đồng

Tăng trưởng 51,7% so với 2020

Ngành hàng thịt chế biến tăng trưởng 51,7% so với năm 2020 (1.276 tỷ đồng năm 2021 so với 841 tỷ đồng năm 2020). Trong đó, nhãn hàng Ponnies đóng góp 41%, Heo Cao Bồi đóng góp 59% doanh thu ngành hàng. Riêng nhãn hàng Ponnies, bước đầu thâm nhập thị trường xúc xích thanh trùng, xây dựng đường dẫn cho các mặt hàng mát, đông lạnh trong tương lai. Năm 2022, ngành hàng với định hướng tăng số lượng tiêu thụ và tần suất sử dụng của người tiêu dùng bằng cách phát triển công thức đa dạng sự lựa chọn, và đánh mạnh vào phân khúc giới trẻ đang là thị trường cực kì tiềm năng và rộng lớn. Ngoài ra, ngành hàng thịt chế biến đang tạo nền móng xâm nhập vào thị trường ngành hàng mới. Trong năm 2022, những ngành hàng mới như Snack, và đồ hộp sẽ được giới thiệu.



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

NGÀNH HÀNG HÓA MỸ PHẨM CHĂM SÓC CÁ NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Doanh thu thuần 2021

1.502 tỷ đồng

Tăng trưởng 20% so với 2020

Trong năm 2021 ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình (HPC) đóng góp 1.502 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng trưởng vượt trội 20% so với 2020 (bao gồm cả NETCO) nhờ giới thiệu thành công sản phẩm mới chất lượng vượt trội - nước giặt xả Joins 2 trong 1, nước rửa chén Homey, góp phần mở rộng danh mục bán hàng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng ở cả thành thị và nông thôn. Hai nhãn hiệu bột giặt Joins 2 trong 1 và nước rửa chén Homey tăng trưởng mạnh về thị phần tại chuỗi siêu thị WinCommerce, liên tiếp dẫn đầu thị phần kể từ tháng 9/2021.



CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI

Triển vọng kinh doanh của Masan Consumer gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam.

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến Công ty. Sự bùng phát gần đây của đại dịch Covid-19 trên toàn thế giới và tại Việt Nam đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin, chi tiêu và dự báo của người tiêu dùng, có thể gây bất lợi cho kế hoạch tài chính của công ty chúng tôi. Các sản phẩm của chúng tôi là mặt hàng thiết yếu hàng ngày và chúng tôi có thể kinh doanh thành công trong năm 2021 dù cho ảnh hưởng của Covid-19. Tuy nhiên, thời điểm phục hồi sau đại dịch là không chắc chắn và sự tiếp diễn của đại dịch có thể ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam và điều này có thể ảnh hưởng bất lợi đến kết quả kinh doanh của chúng tôi.

Tác động của đại dịch Covid-19.

Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và kinh doanh của Masan Consumer. Đặc biệt là mảng Sản xuất và Chuỗi cung ứng. Về mảng Sản xuất, các công nhân và nhân viên làm việc tại các Nhà máy đã dọn đến sinh sống tại Nhà máy, để đảm bảo sản xuất ổn định suốt ngày đêm không ngừng nghỉ với mục tiêu cung ứng thực phẩm, đáp ứng nhu cầu cho người tiêu dùng Việt Nam trong tình trạng giãn cách xã hội. Chuỗi cung ứng bị gián đoạn nặng nề trên Thế giới nói chung và toàn nước Việt Nam cũng như tại Masan Consumer nói riêng. Tình trạng thiếu lái xe vận tải, xe container (do bị nhiễm Covid-19) làm cho chi phí trong khâu vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm cao nhất trong các năm gần đây.

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Consumer hoạt động trong các ngành hàng phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể bị lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần.

Masan Consumer cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và sự đa dạng của sản phẩm. Thị trường thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thuộc ngành hàng tiêu dùng quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động khuyến mãi, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. Masan Consumer có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mãi và tiếp thị. Những khoản chi này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.

Chi phí của Masan Consumer có thể gặp biến động.

Giá thành sản xuất của chúng tôi phụ thuộc rất lớn vào nguồn cung cấp nguyên vật liệu. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng nhiều do đứt quãng chuỗi cung ứng. Mặc dù chúng tôi mua nguyên liệu từ nhiều nhà cung cấp và không lệ thuộc vào bất kỳ nhà cung cấp duy nhất nào, chúng tôi không đảm bảo rằng tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ không xảy ra. Nếu chúng tôi không có được đầy đủ nguyên liệu cả về lượng cũng như chất mà chúng tôi yêu cầu, hoặc với mức giá hoặc các điều khoản khác mà chúng tôi có thể chấp nhận, chất lượng sản phẩm, sản lượng sản xuất cũng như doanh thu của chúng tôi sẽ bị ảnh hưởng xấu.

Ngoài ra, giá nguyên liệu có thể biến động do ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như điều kiện thời tiết, môi trường, biến động giá cả hàng hóa, tiền tệ và những thay đổi trong chính sách của Nhà nước liên quan tới lĩnh vực nông nghiệp. Nếu chúng tôi không thể quản lý các chi phí này cũng như tăng giá bán các sản phẩm của chúng tôi lên tương ứng thì hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như triển vọng của chúng tôi sẽ bị ảnh hưởng bất lợi và đáng kể.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI (tiếp theo)

Masan Consumer phụ thuộc vào khả năng duy trì các hoạt động tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có trình độ phù hợp với các vị trí quản lý then chốt của mình.

Mặc dù Masan Consumer không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Consumer phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ, nỗ lực, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân họ cùng những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên giỏi. Sự thiếu hụt nhân sự chủ chốt có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Consumer.

Chúng tôi phụ thuộc vào mạng lưới phân phối đã có sẵn.

Chúng tôi dựa rất nhiều vào quan hệ với mạng lưới các nhà phân phối để tiêu thụ sản phẩm. Trong trường hợp các công ty đối thủ của chúng tôi chào mời các điều kiện thuận lợi hơn hoặc các ưu đãi lớn hơn cho các nhà phân phối của chúng tôi, các nhà phân phối này có thể lựa chọn chấm dứt các hợp đồng phân phối với chúng tôi. Trong trường hợp quan hệ của chúng tôi với số lượng lớn các nhà phân phối bị xấu đi do các hành động của các công ty đối thủ, tình hình kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động và triển vọng của Công ty sẽ bị ảnh hưởng.

Doanh thu của Masan Consumer phụ thuộc vào hình ảnh thương hiệu.

Masan Consumer luôn phấn đấu để giữ hình ảnh là một công ty thành công qua cam kết nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người tiêu dùng. Tuy nhiên, những sự kiện không mong muốn có thể xảy ra và gây ảnh hưởng đến hình ảnh của chúng tôi, chẳng hạn như bị đối thủ cạnh tranh không lành mạnh. Hình ảnh thương hiệu của chúng tôi có thể ảnh hưởng lớn đến doanh số, và chúng tôi có thể bị lỗ do doanh thu giảm và các chi phí khác tăng cao nhằm bảo vệ hình ảnh thương hiệu.

Chúng tôi có thể không thành công trong việc phát triển sản phẩm mới.

Chúng tôi có một đội ngũ nghiên cứu và phát triển sản phẩm nội bộ, dành toàn thời gian cho việc phát triển sản phẩm mới và các phiên bản của những sản phẩm hiện có. Cụ thể, chúng tôi tập trung vào việc tạo nên những sản phẩm sáng tạo, tốt cho sức khỏe, giá cả hợp lý và tiện dụng. Việc phát triển và ra mắt sản phẩm mới có thể đòi hỏi chi phí đáng kể, bao gồm chi phí quản lý, sản xuất và tiếp thị cao hơn.

Một sản phẩm mới được chấp nhận trên thị trường hay không phụ thuộc phần lớn vào khả năng của chúng tôi trong việc đáp ứng thành công các nhu cầu của thị trường, khẩu vị và nhu cầu dinh dưỡng của người tiêu dùng. Chúng tôi không thể đảm bảo thị trường sẽ chấp nhận mọi sản phẩm mới mà chúng tôi sản xuất. Nếu các sản phẩm không thành công, chúng tôi sẽ không thể lấy lại được chi phí nghiên cứu và phát triển đã bỏ ra và điều này sẽ có tác động xấu đến việc kinh doanh của chúng tôi, điều kiện tài chính, kết quả vận hành và các viên cảnh khác.

Chúng tôi phải đối mặt với rủi ro xảy ra tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và bất kỳ vụ nhiễm bẩn nào như vậy sẽ khiến chúng tôi có nguy cơ bị khiếu nại về trách nhiệm đối với sản phẩm.

Nhiễm bẩn là một rủi ro vốn có trong ngành thực phẩm và đồ uống. Mặc dù chúng tôi đã nỗ lực hết sức, bao gồm cả việc kiểm tra thường xuyên tại nhà máy sản xuất và kiểm tra thường xuyên nguyên vật liệu, chúng tôi không thể hoàn toàn loại trừ nguy cơ nhiễm bẩn. Không phải tất cả các quá trình xử lý của chúng tôi hoàn toàn tự động, do đó làm tăng nguy cơ lỗi của con người, và do đó cũng có khả năng tăng nguy cơ ô nhiễm. Do vậy, chúng tôi có thể bị khiếu nại liên quan đến tình trạng nhiễm bẩn sản phẩm và có thể phải thu hồi sản phẩm hoặc rút khỏi thị trường, điều đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của chúng tôi. Mặc dù không có chính sách trách nhiệm sản phẩm được công nhận tại Việt Nam, chúng tôi không thể đảm bảo rằng chúng tôi sẽ không phải đối mặt với khiếu nại hoặc kiện tụng về sự an toàn và chất lượng của các sản phẩm của chúng tôi.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

	2021	2020
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
Doanh thu gộp	28.098.885	23.988.059
Các khoản giảm trừ	(325.250)	(645.324)
Doanh thu thuần	27.773.635	23.342.735
Giá vốn hàng bán	(15.982.696)	(13.423.520)
Lợi nhuận gộp	11.790.939	9.919.215
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	(5.853.052)	(4.964.974)
Thu nhập tài chính	720.072	754.808
Chi phí tài chính	(258.011)	(315.433)
Phần lãi trong một công ty liên kết	13.296	13.296
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	6.413.244	5.406.912
Kết quả từ các hoạt động khác	(2.678)	(15.884)
Lợi nhuận trước thuế	6.410.566	5.391.028
Thuế	(884.389)	(793.457)
Lợi nhuận sau thuế	5.526.177	4.597.571
Phân bổ		
Cổ đông không kiểm soát	84.042	77.272
Chủ sở hữu của công ty	5.442.135	4.520.299

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2021	31/12/2020
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
TÀI SẢN NGẮN HẠN	22.575.115	9.510.248
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.013.126	3.818.494
Đầu tư tài chính ngắn hạn	169.375	212.300
Phải thu thuần từ hoạt động kinh doanh	772.653	651.911
Phải thu ngắn hạn khác	6.301.513	2.863.176
Hàng tồn kho	2.254.893	1.841.627
Tài sản ngắn hạn khác	63.555	122.740
TÀI SẢN DÀI HẠN	7.629.034	16.023.158
Các khoản phải thu dài hạn	215.103	8.785.436
Tài sản cố định	5.588.080	5.288.328
TSCĐ hữu hình	4.647.200	4.211.296
TSCĐ vô hình	931.370	1.062.514
Bất động sản đầu tư	9.510	14.518
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	335.805	441.991
Đầu tư tài chính dài hạn	249.392	249.392
Đầu tư dài hạn khác	1.240.654	1.258.011
TỔNG TÀI SẢN	30.204.149	25.533.406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN (tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

	31/12/2021	31/12/2020
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
NỢ NGẮN HẠN	11.883.094	10.195.795
Vay và nợ ngắn hạn	7.445.113	6.660.449
Phải trả người bán	1.573.394	1.164.839
Người mua trả tiền trước	123.924	39.399
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	435.805	613.245
Phải trả người lao động	12.442	17.171
Chi phí phải trả	2.205.738	1.632.365
Các khoản phải trả, phải nộp khác	86.678	68.327
NỢ DÀI HẠN	1.315.362	1.054.627
Vay và nợ dài hạn	1.063.618	787.689
Nợ dài hạn khác	251.744	266.938
NỢ PHẢI TRẢ	13.198.456	11.250.422
VỐN CHỦ SỞ HỮU	17.005.693	14.282.984
Vốn cổ phần	7.267.938	7.267.938
Thặng dư vốn cổ phần	3.560.554	3.710.768
Vốn khác của chủ sở hữu	(265.776)	(265.776)
Cổ phiếu quỹ	(994.666)	(1.640.253)

	31/12/2021	31/12/2020
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.989	13.496
Quỹ đầu tư phát triển	22.732	22.732
Lợi nhuận chưa phân phối	6.816.958	4.583.857
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	590.964	590.222
TỔNG NGUỒN VỐN	30.204.149	25.533.406

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

	2021	2020
Hệ số thanh toán hiện thời	1,9x	0,9x
Hệ số thanh toán nhanh	1,7x	0,8x
Tổng Nợ/EBITDA	1,24x	1,3x
Tổng Nợ/Tổng tài sản	0,28x	0,29x
Vòng quay tồn kho	7,8x	8,9x
Số ngày tồn kho (ngày)	47	41
Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	34,8%	33,9%
Hệ số lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	19,8%	20,0%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	99,7%	101,5%
Biên lợi nhuận thuần	19,9%	19,7%
Biên EBIT	21,4%	21,2%
Biên EBITDA	24,7%	24,9%

THẢO LUẬN KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Doanh thu thuần

27.774 tỷ đồng

Tăng trưởng 19% so với 2020

DOANH THU THUẦN

Năm 2021, doanh thu thuần của Masan Consumer đạt 27.774 tỷ đồng, tăng 19% so với năm 2020. Động lực thúc đẩy nhờ vào sự tăng trưởng của ngành hàng gia vị, thực phẩm tiện lợi và mảng thịt chế biến.

Biên lợi nhuận gộp

42,5%

BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

Năm 2021, biên lợi nhuận gộp của Masan Consumer không đổi và duy trì ở mức 42,5% so với năm 2020 mặc dù thị trường chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Biên lợi nhuận gộp được duy trì nhờ các phát kiến tiết kiệm chi phí sản xuất, ổn định sản xuất tại chỗ và cải thiện tỷ suất lợi nhuận của ngành hàng có biên lợi nhuận cao.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

5.853 tỷ đồng

Tăng trưởng 21% so với 2020

CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp (SG&A) trong năm 2021 đạt 5.853 tỷ đồng, tăng 888 tỷ đồng so với mức 4.965 tỷ đồng trong năm 2020. SG&A theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu thuần của năm 2021 tương đương với tỷ lệ của năm 2020 với mức 21%.

Lợi nhuận thuần tài chính

462 tỷ đồng

Tăng trưởng 5,17% so với 2020

LỢI NHUẬN THUẦN TÀI CHÍNH

Lợi nhuận thuần tài chính trong năm 2021 đạt 462 tỷ đồng so với 439 tỷ đồng năm 2020, tăng 5,17% do tối ưu hóa các dòng tiền.

Lợi nhuận sau thuế TNDN

5.526 tỷ đồng

Tăng trưởng 20,2% so với 2020

LỢI NHUẬN SAU THUẾ TNDN

Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2021 đạt 5.526 tỷ đồng, tăng 20,2% so với năm 2020 nhờ tăng trưởng doanh thu thuần và phát kiến tiết kiệm chi phí hiệu quả.

Tiền và các khoản tương đương tiền

19.440 tỷ đồng

Tăng trưởng 20% so với 2020

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tại ngày 31/12/2021, Masan Consumer nắm giữ 19.440 tỷ đồng số dư tiền (bao gồm các khoản tiền gửi, gốc và lãi phải thu của khoản đầu tư khác), tăng 20% từ mức 15.534 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020. Mức tăng của năm nay đến từ các dòng tiền hoạt động nhiều hơn, trong đó dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh dương qua các năm và tăng 24% so với năm trước.

Tài sản cố định

5.924 tỷ đồng

Tăng trưởng 3% so với 2020

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tại ngày 31/12/2021, tổng giá trị tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang) 5.924 tỷ đồng, tăng 3% từ 5.730 tỷ đồng so với ngày 31/12/2020. Tài sản cố định tăng chủ yếu từ đầu tư mới tại các nhà máy Hậu Giang và mở rộng tại nhà máy Nghệ An và Bình Dương với mục đích để nâng cao công suất và đổi mới công nghệ máy móc thiết bị hiện đại như: dây chuyền sản xuất thực phẩm tiện lợi và các tài sản tiện ích chung.

Đầu tư vào công ty liên kết

32,8%

ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Khoản đầu tư vào một công ty liên kết chiếm 32,8% lợi ích kinh tế trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimes tại thời điểm ngày 31/12/2021.

Tổng Tài sản

30.204 tỷ đồng

Tăng trưởng 18% so với 2020

TỔNG TÀI SẢN

Tính đến ngày 31/12/2021, tổng tài sản tăng 18% từ mức 25.533 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020 lên mức 30.204 tỷ đồng, chủ yếu do việc tăng các khoản tiền và tương đương tiền có được từ mức tăng các dòng tiền cần trừ với mức giảm của các khoản đầu tư tài chính khác.

Các khoản vay

8.508 tỷ đồng

Tăng trưởng 14% so với 2020

CÁC KHOẢN VAY

Tính đến ngày 31/12/2021, các khoản vay ngắn và dài hạn tăng 14% từ mức 7.448 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020 lên mức 8.508 tỷ đồng, chủ yếu là do tăng khoản vay ngắn hạn để phục vụ vốn lưu động và tăng vay dài hạn để tài trợ đầu tư tài sản cố định.

Vốn chủ sở hữu

17.006 tỷ đồng

Tăng trưởng 19% so với 2020

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tính đến ngày 31/12/2021, vốn chủ sở hữu đạt 17.006 tỷ đồng, tăng 19% so với mức 14.283 tỷ đồng tại ngày 31/12/2020. Mức tăng chủ yếu do tăng trưởng từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN.

TRIỂN VỌNG 2022

“ Năm 2021, sự bùng phát trở lại và kéo dài của đại dịch Covid-19 đã tác động không nhỏ đến mọi mặt kinh tế - xã hội của Việt Nam. Tuy nhiên, vượt qua khó khăn, thách thức, nền kinh tế đã khởi sắc. Điều này sẽ tạo cơ hội phục hồi nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022, do vậy Masan Consumer lập kế hoạch ngân sách dự kiến cho cả doanh thu thuần và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ tăng trưởng trong phạm vi 20%-30%. Tuy nhiên tình hình ở Ukraine bắt đầu từ tháng 2/2022 sẽ làm cho giá dầu, giá nguyên vật liệu và bao bì tăng cao, dẫn đến lạm phát có thể tăng gây ảnh hưởng đến hành vi chi tiêu của người tiêu dùng. Là doanh nghiệp hoạt động trong các ngành hàng tiêu dùng thiết yếu, chúng tôi nhận thấy lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kế hoạch doanh thu và kế hoạch lợi nhuận của công ty. Do đó, ngân sách tài chính năm 2022 vẫn chỉ là tạm thời và sẽ được trình bày chi tiết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022. ”



BỮA SÁNG ĐỦ ĐẦY
Cả ngày hạnh phúc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ

0302017440

ngày 31 tháng 5 năm 2000

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 26 tháng 10 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **Danny Le**

Chủ tịch

Ông **Trương Công Thắng**

Thành viên

Ông **Nguyễn Đăng Quang**

Thành viên
(đến ngày 1 tháng 9 năm 2021)

Bà **Nguyễn Hoàng Yến**

Thành viên

Ông **Nguyễn Thiệu Quang**

Thành viên

Bà **Nguyễn Thị Thu Hà**

Thành viên
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)

Bà **Nguyễn Thu Hiền**

Thành viên
(từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)

BAN GIÁM ĐỐC

Ông **Trương Công Thắng**

Tổng Giám đốc

Bà **Nguyễn Hoàng Yến**

Phó Tổng Giám đốc

Ông **Phạm Hồng Sơn**

Phó Tổng Giám đốc

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 61 đến trang 119 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hoàng Yến

Đại diện theo ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 8 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 61 đến trang 119.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00353/2-22-2



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 3 năm 2022

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		22.575.115.088.964	9.510.248.113.897
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	13.013.125.962.658	3.818.494.309.952
Tiền	111		107.325.962.658	146.894.309.952
Các khoản tương đương tiền	112		12.905.800.000.000	3.671.600.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		169.375.000.000	212.300.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	169.375.000.000	212.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.074.166.026.539	3.515.086.732.291
Phải thu của khách hàng	131	8	600.955.375.527	399.157.914.891
Trả trước cho người bán	132		171.698.115.803	252.752.655.991
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	4.086.581.871.592	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	2.214.930.663.617	2.863.176.161.409
Hàng tồn kho	140	11	2.254.893.287.268	1.841.626.811.696
Hàng tồn kho	141		2.292.547.543.677	1.873.240.612.964
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(37.654.256.409)	(31.613.801.268)
Tài sản ngắn hạn khác	150		63.554.812.499	122.740.259.958
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.622.626.382	17.740.280.348
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.465.916.280	104.031.879.014
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.466.269.837	968.100.596

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		7.629.035.070.177	16.023.158.439.128
Các khoản phải thu dài hạn	210		215.103.634.496	8.785.436.801.907
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	-	6.927.734.374.092
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	215.103.634.496	1.857.702.427.815
Tài sản cố định	220		5.578.570.297.678	5.273.809.928.250
Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.647.200.173.487	4.211.295.739.877
<i>Nguyên giá</i>	222		8.565.736.011.269	7.542.782.663.774
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.918.535.837.782)	(3.331.486.923.897)
Tài sản cố định vô hình	227	13	931.370.124.191	1.062.514.188.373
<i>Nguyên giá</i>	228		2.432.289.024.377	2.421.367.789.360
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.500.918.900.186)	(1.358.853.600.987)
Bất động sản đầu tư	230	14	9.510.404.068	14.517.800.560
<i>Nguyên giá</i>	231		18.627.973.918	18.627.973.918
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(9.117.569.850)	(4.110.173.358)
Tài sản dở dang dài hạn	240		335.804.947.727	441.990.679.037
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	335.804.947.727	441.990.679.037
Đầu tư tài chính dài hạn	250		249.391.858.906	249.391.858.906
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	7(b)	249.391.858.906	249.391.858.906
Tài sản dài hạn khác	260		1.240.653.927.302	1.258.011.370.468
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	693.721.935.242	705.514.305.140
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	307.834.994.481	230.398.418.399
Lợi thế thương mại	269	18	239.096.997.579	322.098.646.929
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30.204.150.159.141	25.533.406.553.025

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.198.456.221.760	11.250.421.793.413
Nợ ngắn hạn	310		11.883.095.769.452	10.195.795.172.819
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	1.573.394.388.394	1.164.838.936.675
Người mua trả tiền trước	312		123.923.953.891	39.399.035.761
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20	435.805.128.698	613.244.655.520
Phải trả người lao động	314		12.442.848.485	17.172.287.679
Chi phí phải trả	315	21	2.205.738.422.400	1.632.364.860.850
Phải trả ngắn hạn khác	319	22(a)	53.139.673.454	39.469.891.268
Vay ngắn hạn	320	23(a)	7.445.112.961.981	6.660.448.654.909
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		33.538.392.149	28.856.850.157
Nợ dài hạn	330		1.315.360.452.308	1.054.626.620.594
Phải trả người bán dài hạn	331	19	25.013.545.000	27.667.776.000
Phải trả dài hạn khác	337	22(b)	32.854.954.310	25.234.542.936
Vay dài hạn	338	23(b)	1.063.617.618.895	787.689.223.375
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	17	181.875.776.881	199.223.889.416
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.998.557.222	14.811.188.867

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

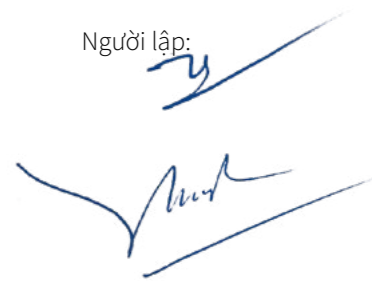
Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		17.005.693.937.381	14.282.984.759.612
Vốn chủ sở hữu	410	24	17.005.693.937.381	14.282.984.759.612
Vốn cổ phần	411	25	7.267.938.180.000	7.267.938.180.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.267.938.180.000	7.267.938.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	3.560.554.240.858	3.710.767.704.992
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(265.775.657.006)	(265.775.657.006)
Cổ phiếu quỹ	415	25	(994.666.327.121)	(1.640.252.631.255)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		6.989.018.595	13.495.754.932
Quỹ đầu tư phát triển	418		22.731.972.844	22.731.972.844
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.816.958.384.098	4.583.857.861.595
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.390.102.896.693	72.233.419.086
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		5.426.855.487.405	4.511.624.442.509
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		590.964.125.113	590.221.573.510
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		30.204.150.159.141	25.533.406.553.025

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	28.098.885.084.926	23.988.058.548.405
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	325.249.867.193	645.324.067.008
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	28	27.773.635.217.733	23.342.734.481.397
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	15.982.695.703.768	13.423.520.341.046
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		11.790.939.513.965	9.919.214.140.351
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	720.071.573.861	754.808.423.442
Chi phí tài chính	22	31	258.011.430.302	315.433.247.596
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		226.159.178.618	286.495.734.730
Phần lãi trong một công ty liên kết	24	7(b)	13.296.085.000	13.296.085.000
Chi phí bán hàng	25	32	4.780.144.882.655	4.071.091.999.434
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	1.072.906.794.191	893.881.875.904
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		6.413.244.065.678	5.406.911.525.859
Thu nhập khác	31		5.273.852.200	2.151.494.345
Chi phí khác	32		7.951.540.992	18.035.234.109
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(2.677.688.792)	(15.883.739.764)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.410.566.376.886	5.391.027.786.095
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	979.174.066.988	877.546.842.929
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(94.784.688.617)	(84.090.312.176)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		5.526.176.998.515	4.597.571.255.342

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

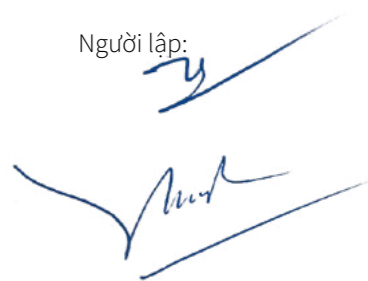
Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (mang sang từ trang trước)	60		5.526.176.998.515	4.597.571.255.342
Phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		5.442.134.889.474	4.520.298.845.178
Cổ đông không kiểm soát	62		84.042.109.041	77.272.410.164
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	7.657	6.403

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.410.566.376.886	5.391.027.786.095
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	839.204.262.978	784.557.565.693
Các khoản dự phòng	03	82.469.518.725	53.082.363.339
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.477.154.390	(201.663.077)
Lỗi từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05	6.358.286.108	13.587.327.990
Thu nhập lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(703.428.185.639)	(738.150.351.781)
Lợi nhuận được chia từ một công ty liên kết	05	(13.296.085.000)	(13.296.085.000)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	228.945.751.950	286.953.132.557
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	6.857.297.080.398	5.777.560.075.816
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(303.216.460.758)	(75.081.420.768)
Biến động hàng tồn kho	10	(498.548.625.942)	(600.009.848.785)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.095.034.760.680	379.878.201.175
Biến động chi phí trả trước	12	44.454.027.100	36.760.539.972
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	-	150.604.109.559
		7.195.020.781.478	5.669.711.656.969
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác đã trả	14	(234.375.420.069)	(306.744.653.150)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.140.974.863.110)	(682.614.892.702)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.323.458.012)	(2.013.648.867)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.816.347.040.287	4.678.338.462.250

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(959.414.551.044)	(1.469.923.979.055)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.822.564.680	2.784.546.167
Tiền chi cho vay	23	(180.000.000.000)	(4.085.000.000.000)
Gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và chi cho các hoạt động đầu tư khác	23	(3.769.075.000.000)	(3.752.000.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho vay	24	18.170.000.000	3.615.000.000.000
Rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và thu hồi các hoạt động đầu tư khác	24	6.562.000.000.000	895.900.000.000
Mua lại một công ty con, tiền thuần chi ra	25	-	(511.583.019.206)
Tiền chi mua lại lợi ích cổ đông không kiểm soát trong các công ty con	25	-	(28.815.172.375)
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi hoạt động đầu tư khác và cổ tức	27	426.167.016.641	122.092.343.504
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.099.670.030.277	(5.211.545.280.965)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	193.460.700.000
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	495.372.840.000	-
Tiền thu từ các khoản vay ngân hàng	33	23.796.206.009.438	22.549.387.230.018
Tiền trả nợ gốc vay cho ngân hàng	34	(22.742.364.432.151)	(20.364.621.307.169)
Tiền chi trả cổ tức	36	(263.824.043.500)	(219.040.639.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.285.390.373.787	2.159.185.983.349

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

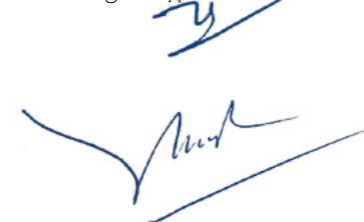
	Mã số	2021 VND	2020 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	9.201.407.444.351	1.625.979.164.634
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	3.818.494.309.952	2.191.361.038.968
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	332.968.447	556.238.144
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	61	(7.108.760.092)	597.868.206
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 6)	70	13.013.125.962.658	3.818.494.309.952

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Thu hồi các khoản cho vay phải thu thông qua việc cản trừ với cổ tức phải trả	3.002.982.502.500	3.002.982.502.500

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

(b) Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là mua bán thực phẩm; mua bán đồ uống không cồn, nước khoáng; mua bán sản phẩm chăm sóc gia đình; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại và hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0302017440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (“DPI”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 18 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2021: 5 công ty con sở hữu trực tiếp, 17 công ty con sở hữu gián tiếp và 1 công ty liên kết). Thông tin về các công ty con và công ty liên kết được mô tả như sau:

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Các công ty con sở hữu trực tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Masan Consumer (Thailand) Limited (“MTH”)	Kinh doanh và phân phối	Số 83, Lầu 4, Đường Amnuay Songkhram, Tiểu khu Tanon Nakornchaisri, Quận Dusit, Bangkok, Thái Lan.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan HPC	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Masan Innovation	Kinh doanh và phân phối	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Các công ty con sở hữu gián tiếp							
1	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	(i) Sản xuất gia vị và nước uống đóng chai	Lô III-10, Đường số 1, Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
3	Công ty Cổ phần Masan PQ	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%
4	Công ty TNHH Masan Long An	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	Ấp 2, Xã Thạnh Hòa, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
5	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HD	(i) Sản xuất thực phẩm tiện lợi và gia vị	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
6	Công ty TNHH Một Thành viên Masan MB	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu B, Khu Công nghiệp Nam Cấm, Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
7	Công ty TNHH Một Thành viên Masan HG	(i) Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi, bao bì và đồ uống	Khu Công nghiệp Sông Hậu, Xã Đông Phú, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
8	Công ty Cổ phần Masan JinJu	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi	Nhà máy F5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	74,99%	74,99%	74,99%	74,99%
9	Công ty TNHH Một Thành viên Nam Ngư Phú Quốc	(i) Sản xuất gia vị	Tổ 1, Ấp Suối Đá, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty	Hoạt động chính	Trụ sở	Phần trăm lợi ích kinh tế tại ngày		Phần trăm quyền biểu quyết tại ngày	
				31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
10	Công ty TNHH Masan HN	(i) Sản xuất và kinh doanh thực phẩm tiện lợi, gia vị và bao bì	Lô CN-08 và CN-14, Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cước, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
11	Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	98,79%	98,79%	98,79%	98,79%
12	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống và bao bì	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	90,18%	90,18%	90,18%	90,18%
13	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh	(ii) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Nhóm 3A, Khu 4, Suối Mơ, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.	65,85%	65,85%	65,85%	65,85%
14	Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha	(iii) Sản xuất đồ uống	Km 37, Xa lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam.	90,18%	90,17%	99,999%	99,998%
15	Công ty Cổ phần Café De Nam	(iv) Sản xuất và kinh doanh đồ uống	Lô C.I.III-3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tâm An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	96,59%	83,97%	97,77%	85,00%
16	Công ty Cổ phần Bột giặt NET	(v) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm chăm sóc gia đình	Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	52,25%	52,25%	52,25%	52,25%
17	Công ty TNHH Hi-Fresh	(vi) Kinh doanh và phân phối	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%	100%	100%
18	Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro	(vi) Cung cấp dịch vụ giặt ủi	Tầng 8, Tòa nhà MPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	-	100%	-
Công ty liên kết							
1	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	(i) Sản xuất và kinh doanh gia vị	Lô C40 – 43/1, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.	32,83%	32,83%	32,83%	32,83%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các công ty con này và công ty liên kết được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Thực phẩm Masan.
- (ii) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Một Thành viên Masan Beverage.
- (iii) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.
- (iv) Công ty Cổ phần Café De Nam được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa.
- (v) Công ty Cổ phần Bột giặt NET được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan HPC.
- (vi) Các công ty con này được sở hữu gián tiếp bởi Công ty thông qua Công ty TNHH Masan Innovation. Công ty TNHH Giặt ủi Chuyên nghiệp Joins Pro (“JPR”) được thành lập vào ngày 9 tháng 11 năm 2021 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0317020365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, JPR vẫn chưa bắt đầu hoạt động.

MTH được thành lập tại Thái Lan. Tất cả các công ty con khác và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 6.049 nhân viên (1/1/2021: 5.575 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

3. NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi tỷ lệ lợi ích nắm giữ của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu được từ hoặc chi cho giao dịch này được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả từ việc áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (“Thông tư 202”), các chênh lệch này được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu có sự ảnh hưởng đáng kể cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá hối đoái do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...). Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư tài chính dài hạn) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ trường hợp các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch, số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được loại trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh và trong việc chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã căn nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty bị mua được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện hữu dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được mua được xem như là sự phân phối cho hoặc góp vốn từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu. Từ 1 tháng 1 năm 2015, do kết quả của việc áp dụng Thông tư 202, những chênh lệch này được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ các giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của các kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc các kỳ báo cáo tương ứng.

(vii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được ở thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 3(l)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn. Lỗ lũy kế được tính toán từ lỗ thuần đã được quy đổi. Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ trong năm của cơ sở hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 30 năm
• nâng cấp tài sản thuê	3 – 5 năm
• máy móc và thiết bị	3 – 25 năm
• thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
• phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 19 năm đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy tính

Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 10 năm.

(iii) Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 4 năm đến 30 năm.

(iv) Nhãn hiệu

Giá mua nhãn hiệu được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 10 năm.

Giá trị hợp lý của nhãn hiệu mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận là một tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 30 năm. Giá trị hợp lý của nhãn hiệu có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng việc chiết khấu các khoản thanh toán tiền bản quyền ước tính có thể tiết kiệm được từ việc sở hữu nhãn hiệu đó.

(v) Quan hệ khách hàng

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 15 năm.

(vi) Tài nguyên nước khoáng

Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại các công ty con được vốn hóa và ghi nhận là một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá chào bán/giá giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự nằm trong cùng khu vực. Phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn là phương pháp định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 10 năm đến 37 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc của công ty con. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng, máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 42 năm đến 50 năm.

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp cho giai đoạn 5 năm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(iii) Chi phí sắp xếp khoản vay

Chi phí sắp xếp khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của các khoản vay liên quan.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Biến động vốn chủ sở hữu do hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua lại/chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông không kiểm soát mà không dẫn đến việc mất quyền kiểm soát cho giai đoạn trước ngày 1 tháng 1 năm 2015 được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu.

(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(r) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản cho vay phải thu và các hoạt động đầu tư khác; và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay từ các ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái và các chi phí tài chính khác.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hoá chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ kế toán năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ hợp nhất thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn lần lượt được lập dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và theo khu vực địa lý.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản lãi tiền gửi liên quan, các khoản đầu tư và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của văn phòng chính Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuộc về hơn một bộ phận và không thể phân bổ một cách hợp lý vào một bộ phận.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. BÁO CÁO BỘ PHẬN

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn phân loại các bộ phận kinh doanh thành bốn bộ phận kinh doanh chính là thực phẩm, đồ uống, sản phẩm chăm sóc gia đình và các bộ phận kinh doanh khác. Bộ phận Thực phẩm bao gồm gia vị và thực phẩm tiện lợi. Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê nhà kho và khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	Thực phẩm (*) VND	Đồ uống (*) VND	Sản phẩm chăm sóc gia đình (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	20.136.187.694.031	6.058.993.152.705	1.515.168.671.398	63.285.699.599	27.773.635.217.733
Lợi nhuận gộp của bộ phận	8.573.930.090.490	2.814.586.561.063	380.641.253.135	21.781.609.277	11.790.939.513.965
Kết quả kinh doanh của bộ phận	5.295.436.104.620	1.336.208.187.088	17.394.770.025	21.781.609.277	6.670.820.671.010
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(719.636.748.891)
Doanh thu hoạt động tài chính					720.071.573.861
Chi phí tài chính					(258.011.430.302)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					6.413.244.065.678
Thu nhập khác					5.273.852.200
Chi phí khác					(7.951.540.992)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(884.389.378.371)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					5.526.176.998.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	Thực phẩm (*) VND	Đồ uống (*) VND	Sản phẩm chăm sóc gia đình (*) VND	Khác VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận – thuần	16.236.990.127.888	5.792.463.891.997	1.305.743.684.209	7.536.777.303	23.342.734.481.397
Lợi nhuận gộp của bộ phận	6.819.280.274.383	2.745.806.065.195	349.565.095.870	4.562.704.903	9.919.214.140.351
Kết quả kinh doanh của bộ phận	4.091.945.361.963	1.414.822.519.732	25.650.193.255	4.562.704.903	5.536.980.779.853
Chi phí quản lý doanh nghiệp không phân bổ					(569.444.429.840)
Doanh thu hoạt động tài chính					754.808.423.442
Chi phí tài chính					(315.433.247.596)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					5.406.911.525.859
Thu nhập khác					2.151.494.345
Chi phí khác					(18.035.234.109)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(793.456.530.753)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.597.571.255.342

Kết quả kinh doanh của bộ phận là doanh thu thuần của bộ phận trừ giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp của bộ phận, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trực tiếp thuộc về bộ phận đó và chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp gián tiếp được phân bổ dựa trên cơ sở hợp lý.

Chi phí không phân bổ là chi phí quản lý doanh nghiệp mà Ban Giám đốc Công ty tin rằng không thể phân bổ các chi phí này một cách hợp lý cho từng bộ phận. Những chi phí này phát sinh ở cấp độ Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Kết quả kinh doanh của bộ phận Thực phẩm, Đồ uống và Sản phẩm chăm sóc gia đình bao gồm phân bổ lợi thế thương mại với số tiền là 83.002 triệu VND (2020: 84.507 triệu VND), khấu hao giá trị hợp lý của tài sản cố định vô hình và phân bổ giá trị hợp lý của chi phí trả trước dài hạn phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 104.188 triệu VND (2020: 111.588 triệu VND), khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định hữu hình phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 2.646 triệu VND (2020: 3.952 triệu VND) và khấu hao giá trị hợp lý tăng thêm của bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh với số tiền là 3.427 triệu VND (2020: 2.856 triệu VND) trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
	Thực phẩm VND	Đồ uống VND	Sản phẩm chăm sóc gia đình VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	6.341.562.475.475	2.380.405.361.900	1.168.414.276.152	9.890.382.113.527
Tài sản không phân bổ				20.313.768.045.614
Tổng tài sản				30.204.150.159.141
Nợ phải trả bộ phận	1.689.753.295.769	665.686.754.449	349.239.405.269	2.704.679.455.487
Nợ phải trả không phân bổ				10.493.776.766.273
Tổng nợ phải trả				13.198.456.221.760
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021				
Chi tiêu vốn	824.511.240.305	99.497.876.840	13.428.784.970	937.437.902.115
Chi tiêu vốn không phân bổ				45.316.925.367
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	424.086.500.012	157.878.386.269	26.905.566.112	608.870.452.393
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				4.858.533.036
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	48.630.726.333	155.064.571.335	35.914.600.587	239.609.898.255
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				44.520.181.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021				
	Thực phẩm VND	Đồ uống VND	Sản phẩm chăm sóc gia đình VND	Hợp nhất VND
Tài sản bộ phận	5.508.223.504.330	2.657.566.827.661	1.168.098.039.093	9.333.888.371.084
Tài sản không phân bổ				16.199.518.181.941
Tổng tài sản				25.533.406.553.025
Nợ phải trả bộ phận	1.245.516.882.503	509.129.738.294	342.197.039.797	2.096.843.660.594
Nợ phải trả không phân bổ				9.153.578.132.819
Tổng nợ phải trả				11.250.421.793.413
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Chi tiêu vốn	1.046.021.150.505	418.284.145.218	10.845.452.246	1.475.150.747.969
Chi tiêu vốn không phân bổ				19.204.890.324
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư	377.306.766.937	137.909.650.317	21.903.196.876	537.119.614.130
Khấu hao tài sản cố định hữu hình không phân bổ				13.173.181.352
Khấu hao tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại và chi phí trả trước dài hạn	47.645.508.530	172.338.223.663	30.066.166.192	250.049.898.385
Khấu hao tài sản cố định vô hình và phân bổ chi phí trả trước dài hạn không phân bổ				36.371.516.398

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chi tiết các tài sản không phân bổ và các khoản nợ phải trả không phân bổ như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.013.125.962.658	3.818.494.309.952
Đầu tư tài chính ngắn hạn	169.375.000.000	212.300.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	6.363.180.191.833	2.959.815.772.943
Hàng tồn kho	84.546.762.234	28.942.269.523
Tài sản ngắn hạn khác	9.717.113.785	8.316.156.522
Các khoản phải thu dài hạn	215.103.634.496	8.785.436.801.907
Tài sản cố định	76.630.882.912	97.794.178.017
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.944.649.442	53.188.521.918
Tài sản dài hạn khác	371.143.848.254	235.230.171.159
Tài sản không phân bổ	20.313.768.045.614	16.199.518.181.941
Phải trả người bán ngắn hạn	375.966.761.609	241.595.769.403
Người mua trả tiền trước	108.633.849.041	25.947.739.882
Thuế phải nộp Nhà nước	345.264.391.415	535.270.102.534
Chi phí phải trả	952.033.223.417	691.852.007.440
Phải trả ngắn hạn khác	21.272.183.034	11.550.745.860
Vay ngắn hạn	7.445.112.961.981	6.660.448.654.909
Vay dài hạn	1.063.617.618.895	787.689.223.375
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	181.875.776.881	199.223.889.416
Nợ phải trả không phân bổ	10.493.776.766.273	9.153.578.132.819

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam và Thái Lan. Hoạt động kinh doanh tại Thái Lan hiện tại là không trọng yếu đối với Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. TĂNG LỢI ÍCH KINH TẾ TRONG CÁC CÔNG TY CON

(a) Tăng lợi ích kinh tế trong Công ty Cổ phần Café De Nam

Trong năm, Công ty Cổ phần Café De Nam (“CDN”), một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa (“VCF”), đã phát hành 17.000.000 cổ phiếu mới theo mệnh giá là 10.000 VND mỗi cổ phiếu, số cổ phiếu này đã được VCF mua toàn bộ. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong CDN đã tăng từ 83,97% lên 96,59% và một khoản chênh lệch là 15.279.085.611 VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24).

(b) Tăng lợi ích kinh tế trong Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha

Trong năm, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krôngpha (“KRP”), một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty thông qua Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo (“VHM”), đã phát hành 3.000.000 cổ phiếu mới theo mệnh giá là 10.000 VND mỗi cổ phiếu, số cổ phiếu này đã được VHM mua toàn bộ. Do kết quả của giao dịch này, lợi ích kinh tế của Công ty trong KRP đã tăng từ 90,17% lên 90,18% và một khoản chênh lệch là 316.458 VND được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh 24).

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	1.062.071.013	1.105.798.725
Tiền gửi ngân hàng	106.263.891.645	145.788.511.227
Các khoản tương đương tiền	12.905.800.000.000	3.671.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	13.013.125.962.658	3.818.494.309.952

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (a)	169.375.000.000	212.300.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào một công ty liên kết (b)	249.391.858.906	249.391.858.906

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	169.375.000.000	212.300.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2021			1/1/2021		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (“CLX”)	2.659.217	32,83%	249.391.858.906	2.659.217	32,83%	249.391.858.906

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong năm, Tập đoàn không có giao dịch chủ yếu nào với CLX. Xem thêm Thuyết minh 1(d) mô tả về hoạt động chính của CLX.

Biến động trong năm của giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết của Tập đoàn như sau:

	VND
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết tại thời điểm đầu năm	249.391.858.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày mua từ công ty liên kết trong năm	13.296.085.000
Cổ tức từ công ty liên kết liên quan đến giai đoạn sau ngày mua	(13.296.085.000)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào một công ty liên kết tại thời điểm cuối năm	249.391.858.906

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu từ các bên liên quan	281.512.098.593	139.823.005.666
Phải thu từ các bên thứ ba	319.443.276.934	259.334.909.225
	600.955.375.527	399.157.914.891

Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một bên liên quan, có thể thu được trong vòng 12 tháng	4.086.581.871.592	-

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu về cho vay dài hạn từ một bên liên quan	4.086.581.871.592	6.927.734.374.092
Phải thu trong vòng 12 tháng	(4.086.581.871.592)	-
Phải thu sau 12 tháng	-	6.927.734.374.092

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ một bên liên quan không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là 6,5% (2020: 6,5% một năm) trong năm. Các khoản cho vay này đáo hạn vào năm 2022. Lãi cho vay sẽ được thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. PHẢI THU KHÁC

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dài hạn dự thu trong vòng 12 tháng (*)	2.170.989.684.747	-
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan (**)	3.881.928.929	2.123.755.382
Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho các hoạt động đầu tư khác	-	2.750.000.000.000
Lãi dự thu từ các hoạt động đầu tư khác	-	68.347.945.202
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	20.810.987.613	7.869.546.301
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.854.769.665	8.281.518.560
Phải thu khác	10.393.292.663	26.553.395.964
	2.214.930.663.617	2.863.176.161.409

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dự thu từ một bên liên quan (*)	-	1.825.025.926.859
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh (***)	178.300.000.000	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	36.803.634.496	32.676.500.956
	215.103.634.496	1.857.702.427.815

(*) Đây là các khoản thu nhập lãi phải thu từ các khoản cho một bên liên quan vay. Xem thêm Thuyết minh 9 và Thuyết minh 36 để biết thêm thông tin.

Lãi dự thu từ một bên liên quan bao gồm:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lãi dự thu dài hạn từ một bên liên quan	2.170.989.684.747	1.825.025.926.859
Lãi dự thu trong vòng 12 tháng	(2.170.989.684.747)	-
Lãi dự thu sau 12 tháng	-	1.825.025.926.859

(**) Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(***) Trong năm, một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên thứ ba để hợp tác sản xuất nước mắt cốt trong thời hạn 5 năm. Theo đó, công ty con này sẽ đóng góp vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn. Bên thứ ba sẽ đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai, nhà xưởng, nhà kho, máy móc, thiết bị và các cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con này và bên thứ ba sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư.

Trong năm, một công ty con sở hữu gián tiếp khác của Công ty cũng đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) với một bên liên quan để hợp tác sản xuất thịt chế biến trong thời hạn 10 năm. Theo đó, công ty con này sẽ đóng góp vào BCC bằng tiền cho mục đích chi tiêu vốn và vốn lưu động. Bên liên quan sẽ đóng góp quyền sử dụng toàn bộ đất đai và cơ sở hạ tầng liên quan. Công ty con và bên liên quan này sẽ được chia lợi nhuận của BCC theo tỷ lệ thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng hợp tác đầu tư, nhưng đảm bảo để bên liên quan sẽ được một mức chia lợi nhuận tối thiểu hằng năm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, công ty con này vẫn chưa góp vốn vào BCC này.

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	114.697.400.084	-	84.844.813.671	-
Nguyên vật liệu	1.106.109.126.231	(9.029.744.993)	850.755.021.672	(6.291.797.300)
Công cụ và dụng cụ	94.383.205.147	(6.666.874.874)	80.264.113.937	(7.192.136.285)
Sản phẩm dở dang	212.766.270.021	-	270.156.261.907	-
Thành phẩm	703.560.948.856	(21.957.636.542)	539.114.185.062	(18.129.867.683)
Hàng hóa	49.905.358.456	-	48.106.216.715	-
Hàng gửi đi bán	11.125.234.882	-	-	-
	2.292.547.543.677	(37.654.256.409)	1.873.240.612.964	(31.613.801.268)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	31.613.801.268	45.040.532.163
Tăng dự phòng trong năm	96.927.983.681	71.880.679.097
Sử dụng dự phòng trong năm	(79.241.695.229)	(66.234.248.195)
Hoàn nhập	(11.645.833.311)	(19.073.161.797)
Số dư cuối năm	37.654.256.409	31.613.801.268

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 37.654 triệu VND (1/1/2021: 31.614 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nâng cấp tài sản thuê VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.186.902.214.064	59.609.724.541	5.186.357.112.818	89.366.588.848	20.547.023.503	7.542.782.663.774
Tăng trong năm	-	-	48.843.556.545	613.415.451	1.137.331.818	50.594.303.814
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	406.897.375.608	-	572.526.470.604	13.811.675.607	5.800.468.036	999.035.989.855
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	(143.420.334)	(143.420.334)
Thanh lý	(3.001.002.809)	-	(17.307.436.807)	(18.711.000)	(1.252.141.414)	(21.579.292.030)
Xóa sổ	(2.616.793.966)	(248.492.875)	(1.631.479.474)	(381.646.295)	(75.821.200)	(4.954.233.810)
Phân loại lại	(2.590.141.364)	-	2.590.141.364	-	-	-
Số dư cuối năm	2.585.591.651.533	59.361.231.666	5.791.378.365.050	103.391.322.611	26.013.440.409	8.565.736.011.269
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	534.807.366.328	58.109.696.368	2.670.886.594.946	55.991.787.091	11.691.479.164	3.331.486.923.897
Khấu hao trong năm	109.731.938.549	1.500.028.173	485.309.122.642	9.590.379.316	2.590.120.257	608.721.588.937
Thanh lý	(1.091.264.835)	-	(14.981.666.234)	(18.711.000)	(1.252.141.414)	(17.343.783.483)
Xóa sổ	(1.991.451.725)	(248.492.875)	(1.631.479.474)	(381.646.295)	(75.821.200)	(4.328.891.569)
Phân loại lại	(339.185.176)	-	339.185.176	-	-	-
Số dư cuối năm	641.117.403.141	59.361.231.666	3.139.921.757.056	65.181.809.112	12.953.636.807	3.918.535.837.782
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.652.094.847.736	1.500.028.173	2.515.470.517.872	33.374.801.757	8.855.544.339	4.211.295.739.877
Số dư cuối năm	1.944.474.248.392	-	2.651.456.607.994	38.209.513.499	13.059.803.602	4.647.200.173.487

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 1.172.193 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 1.007.990 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, một số tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Quyền khai thác tài nguyên nước khoáng VND	Nhãn hiệu VND	Quan hệ khách hàng VND	Tài nguyên nước khoáng VND	Tổng VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	119.085.818.402	294.035.987.634	72.124.057.348	1.099.626.396.615	423.797.765.850	412.697.763.511	2.421.367.789.360
Tăng trong năm	-	214.325.000	888.129.000	-	-	-	1.102.454.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	10.227.110.017	-	-	-	-	10.227.110.017
Xóa sổ	-	(408.329.000)	-	-	-	-	(408.329.000)
Số dư cuối năm	119.085.818.402	304.069.093.651	73.012.186.348	1.099.626.396.615	423.797.765.850	412.697.763.511	2.432.289.024.377
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	41.055.176.069	202.736.886.854	23.973.340.392	595.387.114.051	378.433.959.961	117.267.123.660	1.358.853.600.987
Khấu hao trong năm	2.953.213.512	35.608.150.751	3.321.296.672	69.205.267.468	9.451.031.520	21.934.668.276	142.473.628.199
Xóa sổ	-	(408.329.000)	-	-	-	-	(408.329.000)
Số dư cuối năm	44.008.389.581	237.936.708.605	27.294.637.064	664.592.381.519	387.884.991.481	139.201.791.936	1.500.918.900.186
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	78.030.642.333	91.299.100.780	48.150.716.956	504.239.282.564	45.363.805.889	295.430.639.851	1.062.514.188.373
Số dư cuối năm	75.077.428.821	66.132.385.046	45.717.549.284	435.034.015.096	35.912.774.369	273.495.971.575	931.370.124.191

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 15.790 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 14.881 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	18.016.283.093	611.690.825	18.627.973.918
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	4.049.295.700	60.877.658	4.110.173.358
Khấu hao trong năm	4.944.669.984	62.726.508	5.007.396.492
Số dư cuối năm	8.993.965.684	123.604.166	9.117.569.850
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	13.966.987.393	550.813.167	14.517.800.560
Số dư cuối năm	9.022.317.409	488.086.659	9.510.404.068

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và năm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND
Số dư đầu năm	441.990.679.037
Tăng trong năm	940.259.478.545
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(999.035.989.855)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(10.227.110.017)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(33.862.109.983)
Thanh lý	(3.320.000.000)
Số dư cuối năm	335.804.947.727

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	73.435.772.954	146.435.571.443
Máy móc và thiết bị	243.285.141.722	263.801.619.238
Khác	19.084.033.051	31.753.488.356
	335.804.947.727	441.990.679.037

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, một số chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí đất trả trước và phí sử dụng hạ tầng VND	Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sắp xếp khoản vay VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	595.419.158.807	15.671.855.771	83.369.540.559	11.053.750.003	705.514.305.140
Tăng trong năm	-	-	12.675.276.438	10.665.000.000	23.340.276.438
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	33.862.109.983	-	33.862.109.983
Phân bổ trong năm	(13.761.808.749)	(3.134.371.155)	(47.546.986.671)	(4.551.111.125)	(68.994.277.700)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	(478.619)	-	(478.619)
Số dư cuối năm	581.657.350.058	12.537.484.616	82.359.461.690	17.167.638.878	693.721.935.242

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, một số chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	31/12/2021		1/1/2021	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại VND	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng phải trả	180.862.498.139	-	126.810.376.489	-
Chi phí kho vận phải trả	44.210.972.873	-	28.611.176.281	-
Chiết khấu thương mại phải trả	8.179.375.186	-	17.789.645.144	-
Chi phí phải trả khác	45.188.166.530	(2.389.920.606)	38.254.962.506	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	29.393.981.753	-	18.932.257.979	-
Bất động sản đầu tư	-	(114.232.802)	-	(799.629.611)
Tài sản cố định hữu hình	-	(8.307.043.765)	-	(8.836.148.725)
Tài sản cố định vô hình	-	(171.064.579.708)	-	(189.588.111.080)
	307.834.994.481	(181.875.776.881)	230.398.418.399	(199.223.889.416)

18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	882.432.759.448
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	560.334.112.519
Phân bổ trong năm	83.001.649.350
Số dư cuối năm	643.335.761.869
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	322.098.646.929
Số dư cuối năm	239.096.997.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2021	1/1/2021
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả cho các bên thứ ba	1.584.541.695.493	1.182.257.290.844
Phải trả cho các bên liên quan	13.866.237.901	10.249.421.831
	1.598.407.933.394	1.192.506.712.675
Trong đó:		
- Ngắn hạn	1.573.394.388.394	1.164.838.936.675
- Dài hạn	25.013.545.000	27.667.776.000
	1.598.407.933.394	1.192.506.712.675

Xem thêm Thuyết minh 36 trình bày chi tiết số dư với các bên liên quan. Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

20. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	1/1/2021 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Khấu trừ/ Hoàn lại VND	Phân loại lại VND	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	146.227.070.869	4.990.296.233.850	(982.332.198.466)	(4.025.767.921.948)	-	128.423.184.305
Thuế xuất nhập khẩu	-	19.338.520.682	(19.338.520.682)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459.584.059.887	979.174.066.988	(1.140.974.863.110)	-	1.311.247.984	299.094.511.749
Thuế thu nhập cá nhân	6.078.404.141	147.210.557.919	(141.731.369.134)	(5.116.209.948)	-	6.441.382.978
Các loại thuế khác	1.355.120.623	146.575.161.739	(146.084.232.696)	-	-	1.846.049.666
	613.244.655.520	6.282.594.541.178	(2.430.461.184.088)	(4.030.884.131.896)	1.311.247.984	435.805.128.698

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	970.882.886.772	658.949.341.246
Thưởng và lương tháng 13	346.187.672.006	321.075.122.257
Mua hàng chưa nhận hóa đơn	302.283.867.154	157.372.988.185
Chi phí kho vận	227.570.445.613	147.682.976.585
Chi phí trưng bày	55.083.462.548	52.874.347.636
Chi phí công nghệ thông tin	44.463.680.096	15.006.398.136
Chiết khấu thương mại	40.896.875.933	91.373.666.721
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	37.264.002.911	58.214.183.351
Chi phí lãi vay	19.104.815.092	17.262.650.926
Chi phí nghiên cứu thị trường	6.449.000.000	10.980.889.362
Chi phí khác	155.551.714.275	101.572.296.445
	2.205.738.422.400	1.632.364.860.850

22. PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Cổ tức phải trả	28.869.169.100	11.346.805.100
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	12.163.836.136	11.425.954.483
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	3.087.444.442	1.970.782.500
Phải trả khác	9.019.223.776	14.726.349.185
	53.139.673.454	39.469.891.268

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn nhận được	32.854.954.310	25.234.542.936

23. VAY

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2021		Biến động trong năm		31/12/2021	
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	6.540.133.877.331	23.105.258.496.459	(22.622.049.654.477)	6.751.125.305	-	7.030.093.844.618
Vay dài hạn đến hạn trả	120.314.777.578	415.019.117.363	(120.314.777.578)	-	-	415.019.117.363
	6.660.448.654.909	23.520.277.613.822	(22.742.364.432.055)	6.751.125.305	-	7.445.112.961.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay ngắn hạn				
● Khoản vay ngân hàng có đảm bảo (*)	VND	3,35%	66.008.519.318	157.993.266.380
● Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	2,35% - 4,20%	5.430.728.735.864	5.809.785.415.271
● Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	1,05% - 2,00%	1.533.356.589.436	572.355.195.680
			7.030.093.844.618	6.540.133.877.331

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, khoản vay ngân hàng ngắn hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn được bảo lãnh bởi Công ty.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	1.478.636.736.258	908.004.000.953
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(415.019.117.363)	(120.314.777.578)
Hoàn trả sau 12 tháng	1.063.617.618.895	787.689.223.375

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn					
● Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4,50% - 7,13%	2022 - 2025	1.478.636.736.258	908.004.000.953

Khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của Tập đoàn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 852.747 triệu VND, 32.939 triệu VND và 36.807 triệu VND (1/1/2021: tài sản cố định hữu hình, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn với giá trị ghi sổ lần lượt là 569.415 triệu VND, 59.288 triệu VND và 37.648 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, khoản vay ngân hàng dài hạn có đảm bảo của các công ty con trong Tập đoàn cũng được bảo lãnh bởi Công ty.

Trong năm, Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản vay của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn không có khoản vay quá hạn nào bao gồm cả nợ gốc và lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	7.229.246.040.000	3.555.999.144.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.597.433.276	22.731.972.844	3.244.394.137.086	247.026.608.088	12.406.967.048.025
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 25)	38.692.140.000	154.768.560.000	-	-	-	-	-	-	193.460.700.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.520.298.845.178	77.272.410.164	4.597.571.255.342
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	344.140.974.324	344.140.974.324
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(3.172.160.718.000)	-	(3.172.160.718.000)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(56.255.650.600)	(56.255.650.600)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(952.034.012)	(869.965.988)	(1.822.000.000)
Giao dịch với NCI	-	-	-	-	-	-	(7.722.368.657)	(21.092.803.718)	(28.815.172.375)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(101.678.344)	-	-	1.240	(101.677.104)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7.267.938.180.000	3.710.767.704.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.495.754.932	22.731.972.844	4.583.857.861.595	590.221.573.510	14.282.984.759.612
	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	7.267.938.180.000	3.710.767.704.992	(265.775.657.006)	(1.640.252.631.255)	13.495.754.932	22.731.972.844	4.583.857.861.595	590.221.573.510	14.282.984.759.612
Phát hành lại cổ phiếu quỹ (Thuyết minh 25)	-	(150.213.464.134)	-	645.586.304.134	-	-	-	-	495.372.840.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	5.442.134.889.474	84.042.109.041	5.526.176.998.515
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(3.189.572.181.000)	-	(3.189.572.181.000)
Cổ tức công bố bởi các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(94.756.729.000)	(94.756.729.000)
Tặng lợi ích kinh tế trong các công ty con (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	(15.279.402.069)	15.279.402.069	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.182.783.902)	(3.822.216.102)	(8.005.000.004)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(6.506.736.337)	-	-	(14.405)	(6.506.750.742)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	7.267.938.180.000	3.560.554.240.858	(265.775.657.006)	(994.666.327.121)	6.989.018.595	22.731.972.844	6.816.958.384.098	590.964.125.113	17.005.693.937.381

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

25. VỐN CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU QUỸ VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	726.793.818	7.267.938.180.000	726.793.818	7.267.938.180.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	10.915.388	994.666.327.121	18.000.000	1.640.252.631.255
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	715.878.430	7.158.784.300.000	708.793.818	7.087.938.180.000
Thặng dư vốn cổ phần		3.560.554.240.858		3.710.767.704.992

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động trong năm của số cổ phiếu hiện đang lưu hành như sau:

	2021		2020	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm – hiện đang lưu hành	708.793.818	7.087.938.180.000	704.924.604	7.049.246.040.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	3.869.214	38.692.140.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ bằng tiền	7.084.612	70.846.120.000	-	-
Số dư cuối năm – hiện đang lưu hành	715.878.430	7.158.784.300.000	708.793.818	7.087.938.180.000

26. CỔ TỨC

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 1 tháng 4 năm 2021 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 3.189.572 triệu VND (2020: 3.172.161 triệu VND).

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(a) Cam kết thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng 1 năm	161.732.899.181	143.914.610.131
Trong vòng 2 đến 5 năm	96.279.675.413	141.907.277.809
Trên 5 năm	289.982.680.106	63.872.463.134
	547.995.254.700	349.694.351.074

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	221.857	5.025.075.872	369.579	8.494.776.723
EUR	213	5.597.207	-	-
THB	47.731.914	31.741.718.594	77.731.377	58.298.532.050
		36.772.391.673		66.793.308.773

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	546.592.450.245	597.748.937.755
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	730.449.369.103	626.786.780.685
	1.277.041.819.348	1.224.535.718.440

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hợp đồng mua bán ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết mua 32 triệu USD tương đương với 733.000 triệu VND được phản ánh là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán (1/1/2021: không).

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
● Bán hàng	27.999.230.928.349	23.911.868.769.322
● Doanh thu khác	99.654.156.577	76.189.779.083
	28.098.885.084.926	23.988.058.548.405
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
● Chiết khấu thương mại	244.667.387.063	581.111.282.281
● Hàng bán bị trả lại	80.582.480.130	64.212.784.727
	325.249.867.193	645.324.067.008
Doanh thu thuần	27.773.635.217.733	23.342.734.481.397

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
● Hàng đã bán	15.813.601.098.017	13.292.046.150.297
● Giá vốn khác	83.812.455.381	78.666.673.449
● Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	85.282.150.370	52.807.517.300
	15.982.695.703.768	13.423.520.341.046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập lãi từ khoản cho một bên liên quan vay	345.963.757.888	564.359.499.584
Thu nhập lãi từ tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư khác	357.464.427.751	173.790.852.197
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	16.643.388.222	16.644.346.561
Thu nhập khác	-	13.725.100
	720.071.573.861	754.808.423.442

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay ngân hàng	226.159.178.618	286.495.734.730
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	21.614.401.833	18.025.238.148
Chi phí đi vay	2.786.573.332	457.397.827
Chi phí khác	7.451.276.519	10.454.876.891
	258.011.430.302	315.433.247.596

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2021 VND	2020 VND
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi và hỗ trợ bán hàng	3.205.403.255.800	2.563.900.793.810
Chi phí kho vận	874.184.868.727	711.535.804.567
Chi phí nhân viên	479.176.976.563	451.482.981.896
Chi phí trưng bày	125.478.343.563	220.334.654.390
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	37.670.191.141	47.545.066.849
Chi phí nghiên cứu thị trường	20.122.936.911	40.271.786.429
Chi phí khác	38.108.309.950	36.020.911.493
	4.780.144.882.655	4.071.091.999.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	440.359.941.893	397.034.844.566
Khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định, chi phí trả trước dài hạn và bất động sản đầu tư phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	110.261.415.873	118.396.239.116
Phân bổ lợi thế thương mại	83.001.649.350	84.506.698.388
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	105.244.799.899	73.947.994.621
Chi phí thuê văn phòng	67.646.874.314	58.993.434.376
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.929.195.775	50.426.153.153
Chi phí nghiên cứu và phát triển	50.170.764.759	44.054.977.317
Chi phí khác	171.292.152.328	66.521.534.367
	1.072.906.794.191	893.881.875.904

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	978.856.624.779	885.025.450.747
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	317.442.209	(7.478.607.818)
	979.174.066.988	877.546.842.929
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(101.784.688.617)	(84.090.312.176)
Thay đổi khác trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.000.000.000	-
	(94.784.688.617)	(84.090.312.176)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	884.389.378.371	793.456.530.753

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.410.566.376.886	5.391.027.786.095
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.282.113.275.377	1.078.205.557.219
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(345.921.523)	-
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(426.399.510.660)	(299.577.610.070)
Ảnh hưởng của phần lãi trong một công ty liên kết	(2.659.217.000)	(2.659.217.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.774.170.250	7.487.273.999
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	317.442.209	(7.478.607.818)
Ảnh hưởng của phân bổ lợi thế thương mại	16.600.329.870	16.901.339.678
Thay đổi tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận (*)	1.988.809.848	577.794.745
Thay đổi khác trong tài sản thuế thu nhập hoãn lại	7.000.000.000	-
	884.389.378.371	793.456.530.753

(*) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận tại một số công ty con bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con này có thể sử dụng lợi ích thuế của các khoản chênh lệch tạm thời này.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20%.

Các công ty con của Công ty được hưởng các mức ưu đãi thuế khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm ẩn

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào việc diễn giải và thay đổi theo thời gian và cũng tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau, mà các cơ quan này được luật cho phép áp đặt các mức phạt thuế và tính lãi phạt chậm trả. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những diễn giải khác nhau và ảnh hưởng có thể là đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm là 5.442.135 triệu VND (2020: 4.520.299 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm là 710.715.398 (2020: 705.981.766 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.442.134.889.474	4.520.298.845.178

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm – hiện đang lưu hành	708.793.818	704.924.604
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu mới trong năm	-	1.057.162
Ảnh hưởng của việc phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	1.921.580	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm – hiện đang lưu hành	710.715.398	705.981.766

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.657	6.403

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. CÁC GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm và tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có các giao dịch và số dư với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty mẹ					
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Cho vay	180.000.000.000	4.085.000.000.000	4.086.581.871.592	6.927.734.374.092
	Thu hồi khoản cho vay bằng tiền	18.170.000.000	3.615.000.000.000	-	-
	Thu hồi khoản cho vay thông qua cấn trừ với cổ tức phải trả	3.002.982.502.500	3.002.982.502.500	-	-
	Thu nhập lãi cho vay	345.963.757.888	564.359.499.584	2.170.989.684.747	1.825.025.926.859
	Cổ tức đã công bố	3.021.089.152.500	3.021.089.152.500	-	-
	Cổ tức đã trả bằng tiền	18.106.650.000	18.106.650.000	-	-
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	Cổ tức nhận được sau ngày mua	13.296.085.000	13.296.085.000	-	-
Các bên liên quan khác					
Công ty TNHH Masan Master Brewer	Bán hàng hóa	947.232	2.567.365	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery PY	Bán hàng hóa	21.250.239	70.539.287	-	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution	Bán hàng hóa	293.746.266	1.942.759.878	-	-
	Mua hàng hóa	10.493.923.889	14.053.884.692	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	31.836.087.648	25.552.551.615	25.645.053.000	25.103.111.299

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery HG	Bán hàng hóa	21.002.393	68.168.660	-	-
	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.825.257.000	96.100.000	(300.217.500)	(82.995.000)
	Phí hỗ trợ quản lý	2.607.980.855	4.181.202.965	2.868.778.941	4.566.907.528
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (trước đây là “Công ty TNHH MNS Farm Nghệ An”)	Bán hàng hóa	75.792.465	352.358.457	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.600.920.637	5.174.364.010	1.600.876.379	2.778.795.592
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (*)	Bán hàng hóa	113.105.734	98.618.185	-	5.480.000
	Phí hỗ trợ quản lý	1.715.889.467	1.874.054.697	-	968.269.483
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang (*)	Bán hàng hóa	5.112.473	12.909.091	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	846.324.954	1.016.708.669	-	525.670.141
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (*)	Bán hàng hóa	51.368.326	48.218.180	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.082.502.233	1.058.214.817	-	547.134.612
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (*)	Bán hàng hóa	-	2.727.273	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	350.471.478	305.774.592	-	158.544.470
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang (*)	Bán hàng hóa	5.112.473	13.818.182	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	926.480.372	783.660.463	-	403.572.318
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An (*)	Bán hàng hóa	61.777.682	81.883.635	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.336.358.229	1.066.209.157	-	550.479.112
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (*)	Bán hàng hóa	382.916.563	246.514.367	-	5.280.001
	Phí hỗ trợ quản lý	5.128.778.050	5.113.037.786	-	2.636.848.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ (*)	Bán hàng hóa	752.529.780	63.090.908	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.925.292.913	2.218.852.516	-	1.143.397.827
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định (*)	Bán hàng hóa	9.643.263	19.636.363	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	1.318.958.768	1.273.739.897	-	657.801.465
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (*)	Bán hàng hóa	11.460.909	8.043.454	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	266.827.937	264.268.445	-	137.079.999
Công ty Cổ phần Masan MEATLife	Bán hàng hóa	76.855.801	168.500.010	2.800.001	1.800.002
	Phí hỗ trợ quản lý	8.607.773.646	8.634.102.192	3.460.908.168	4.562.023.846
Công ty TNHH MEATDeli HN (trước đây là “Công ty TNHH MNS Meat Hà Nam”)	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.961.801.584	1.946.570.540	510.203.536	22.632.600
	Trả trước tiền mua hàng	-	498.592.776	-	498.592.776
	Mua hàng hóa và dịch vụ	18.474.017.663	52.469.330.268	(3.541.747.791)	(7.296.009.304)
	Mua tài sản cố định	-	7.542.750.000	-	-
	Phí hỗ trợ quản lý	7.822.891.631	13.624.058.876	5.377.861.008	7.564.922.630
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Bán hàng hóa và dịch vụ	794.967.983	22.816.576	114.244.571	25.098.232
	Mua hàng hóa	40.470.776.427	1.678.297.842	(3.300.454.639)	(949.631.340)
	Phí hỗ trợ quản lý	4.892.782.698	-	3.575.300.853	-
Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.295.297.104	120.288.000	1.284.042.751	209.501.600
	Mua hàng hóa	35.082.724.115	2.097.500.000	(5.747.520.000)	(1.799.500.000)
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Bán hàng hóa	24.399.003	-	-	-
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa	1.180.851.176	1.364.967.124	80.359.849	86.774.470
	Phí hỗ trợ quản lý	786.572.799	1.273.608.625	865.230.079	4.439.840.974

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mối quan hệ	Bản chất giao dịch	Giá trị giao dịch		Phải thu/(Phải trả) tại ngày	
		2021 VND	2020 VND	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Masan Blue	Bán hàng hóa	-	122.360.755	-	-
Jinju Ham Company Limited	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	226.085.500	-	(121.286.187)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (trước đây là "Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Vincommerce")	Bán hàng hóa	1.399.516.804.928	721.022.283.588	236.713.736.562	80.215.427.452
	Mua hàng hóa và dịch vụ	272.867.386.250	136.191.481.363	(833.797.971)	-
	Mua tài sản cố định	1.218.665.532	-	-	-
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	17.550.000.000	12.406.997.483	-	1.231.116.341
	Chiết khấu thanh toán và các khoản hỗ trợ bán hàng phải trả khác	10.106.180.275	3.566.107.138	-	-
	Phải thu khác	-	-	124.280.000	31.628.964
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Wineco (trước đây là "Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp Vineco")	Bán hàng hóa	1.952.273	117.056.817	-	-
	Mua hàng hóa	6.858.914.000	511.661.682	(142.500.000)	-
	Thu trước tiền hàng	-	168.474.203	-	(168.474.203)
	Phí hỗ trợ thuê văn phòng	450.000.000	1.054.215.907	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Bán hàng hóa	84.243.994	4.459.510.376	5.739.999	-
	Phí hỗ trợ quản lý	2.209.168.281	3.061.474.525	2.430.085.109	3.367.621.978
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Bán hàng hóa	1.468.423.379	-	858.806.716	-
	Mua hàng hóa	521.126.917	-	-	-
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	77.591.062.765	52.129.176.094	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều khoản thương mại thông thường.

(*) Tại ngày 1 tháng 12 năm 2021, các công ty này không còn là các bên liên quan của Tập đoàn do đã có sự thay đổi về quyền kiểm soát trong tập đoàn kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2021. Giá trị giao dịch bao gồm các giao dịch phát sinh với các công ty này cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Trong thù lao trả cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

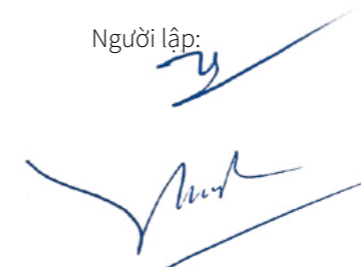
Tên	Vị trí	2021 VND	2020 VND
Hội đồng Quản trị			
<i>Phí và tiền thưởng</i>			
Ông Danny Le	Chủ tịch	-	-
Ông Trương Công Thắng	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên (đến ngày 1 tháng 9 năm 2021)	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiều Quang	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)	-	-
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên (từ ngày 1 tháng 4 năm 2021)	-	-
Ban Giám đốc			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>			
Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc	17.767.338.616	-

37. SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ngày 8 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Phan Thị Thúy Hoa
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Huỳnh Việt Thăng
Giám đốc Tài chính

Nguyễn Hoàng Yến
Đại diện theo ủy quyền

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP



LỊCH SỬ VÀ CẤU TRÚC CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

LỊCH SỬ CÔNG TY

1996

Ngày 1/4/1996: Masan đã thành lập một Công ty tại Nga để nhập khẩu và kinh doanh sản phẩm thực phẩm ở thị trường Đông Âu.

Ngày 20/6/1996: Thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp - Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến, chuyên sản xuất thực phẩm chế biến và các sản phẩm ngành gia vị.

2000

Ngày 31/5/2000: Thành lập Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, chuyên hoạt động trong lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu.

2003

Ngày 1/8/2003: Công ty Cổ phần Công nghiệp - Kỹ nghệ - Thương mại Việt Tiến sáp nhập vào Công ty Cổ phần Công nghiệp và Xuất nhập khẩu Minh Việt, sau đó Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Công nghiệp - Thương mại Ma San (Công ty), với tổng vốn điều lệ là 28.500.000.000 đồng.

2004

Ngày 14/6/2004: Công ty tăng vốn điều lệ lên 45.000.000.000 đồng.

2006

Ngày 20/7/2006: Công ty tăng vốn điều lệ lên 72.250.000.000 đồng.

Ngày 14/9/2006: Công ty tăng vốn điều lệ lên 85.000.000.000 đồng.

2007

Ngày 28/2/2007: Công ty tăng vốn điều lệ lên 113.395.360.000 đồng.

Ngày 25/12/2007: Công ty tăng vốn điều lệ lên 138.395.360.000 đồng.

2008

Ngày 10/5/2008: Công ty tăng vốn điều lệ lên 257.191.230.000 đồng.

Ngày 11/12/2008: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.

2009

Ngày 11/6/2009: Công ty tăng vốn điều lệ lên 630.000.000.000 đồng.

Ngày 1/7/2009: Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh: Sản xuất Gia vị (không sản xuất tại trụ sở chính) và sản xuất hương liệu (trừ sản xuất hóa chất cơ bản).

Ngày 22/12/2009: Công ty thay đổi trụ sở đến Tầng 12, Toà nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2010

Ngày 29/9/2010: Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.300.000.000.000 đồng.

2011

Ngày 09/3/2011: Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San.

Ngày 15/4/2011: Công ty phát hành cổ phiếu phổ thông cho KKR tương đương 10% vốn điều lệ sau phát hành.

Ngày 20/7/2011: Công ty tăng vốn điều lệ lên 2.500.000.000.000 đồng.

Ngày 17/10/2011 và ngày 4/11/2011, Công ty mua 50,25% cổ phần Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

2012

Ngày 08/6/2012: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.025.000.000.000 đồng.

Tháng 12/2012: Công ty mua thêm 2,95% cổ phần của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 53,20%.

2013

Ngày 1/2/2013: Công ty mua thành công 24,9% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo.

Ngày 6/2/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.253.409.090.000 đồng, phát hành thêm cho cổ đông chiến lược KKR tương đương 4,35% vốn điều lệ sau khi phát hành, nâng tổng số cổ phiếu sở hữu của KKR lên 18,04%.

Ngày 27/3/2013: Công ty mua 38,61% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, nâng tổng số cổ phần nắm giữ lên 63,51%.

Ngày 1/7/2013: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.273.359.100.000 đồng.

2014

Ngày 27/6/2014: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.313.263.220.000 đồng.

Ngày 30/12/2014: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan - công ty con của Công ty chào mua thành công 32,84% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex.

LỊCH SỬ VÀ CẤU TRÚC CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN (tiếp theo)

LỊCH SỬ CÔNG TY (tiếp theo)

2015

Ngày 14/1/2015: Công ty TNHH Một thành viên Thực Phẩm Masan - công ty con của Công ty mua 99,99% cổ phần Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn.

Ngày 10/6/2015: Công ty thay đổi tên thành “CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN”

Ngày 6/8/2015: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.351.601.170.000 đồng.

Ngày 25/12/2015: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage - công ty con của Công ty hoàn tất mua 65% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh.

2016

Ngày 6/1/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage - Công ty con của Công ty hoàn tất việc mua thêm 20,29% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Vĩnh Hào lên 84,23%.

Ngày 22/2/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage cũng nâng sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 60,16%.

Ngày 28/4/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage mua thêm 4,32% cổ phần Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào, nâng tổng số cổ phần sở hữu tại Vĩnh Hào lên 88,56%.

Ngày 23/5/2016: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa mua 85% cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN - một công ty hoạt động trong ngành hàng cà phê.

Ngày 21/6/2016: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan thành lập công ty con là Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc tại Phú Quốc.

Ngày 8/7/2016: một công ty con của Công ty là Masan Consumer (Thailand) Limited được thành lập tại Thái Lan.

Ngày 04/8/2016: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.381.601.170.000 đồng.

Tháng 10/2016: Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Masan PQ lên 99,99%.

Đầu tháng 12/2016: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 68,46% thông qua việc chào mua công khai.

2017

Ngày 2/8/2017: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.431.327.770.000 đồng

2018

Ngày 5/2/2018: Công ty TNHH Một thành viên Masan Beverage nâng tiếp tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Vinacafé Biên Hòa lên 98,49% thông qua việc chào mua công khai.

Năm 2018, Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn (“SNF”) đã ký hợp tác chiến lược với Công ty Jinju Ham (“Jinju Ham”) - một công ty sản xuất thịt chế biến có thương hiệu hàng đầu Hàn Quốc. Jinju Ham đã mua 25% cổ phần của SNF thông qua đợt chào bán cổ phiếu sơ cấp và SNF sẽ được đổi tên thành “Masan Jinju”.

Ngày 26/7/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 5.483.736.040.000 đồng.

Ngày 14/9/2018: Công ty tăng vốn điều lệ lên 6.279.291.230.000 đồng.

2019

Ngày 30/7/2019: Công ty tăng vốn điều lệ lên 6.309.784.480.000 đồng

Ngày 12/9/2019: Công ty tăng vốn điều lệ lên 7.229.246.040.000 đồng

Tháng 12/2019, Masan HPC, một công ty thành viên thuộc ngành hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình đã chào mua tối đa 60% cổ phần của Công ty Cổ phần Bột giặt Net (“NETCO”) với giá 48.000 đồng/cổ phiếu. Kết quả của việc chào mua này là Masan HPC đã sở hữu 52,25% cổ phiếu NET vào đầu năm 2020. Giao dịch này nhất quán với chiến lược 5 năm của Masan nhằm mở rộng danh mục sản phẩm, phục vụ thị trường gần 100 triệu dân.

2020

Ngày 12/10/2020: Công ty tăng vốn điều lệ lên 7.267.938.180.000 đồng.

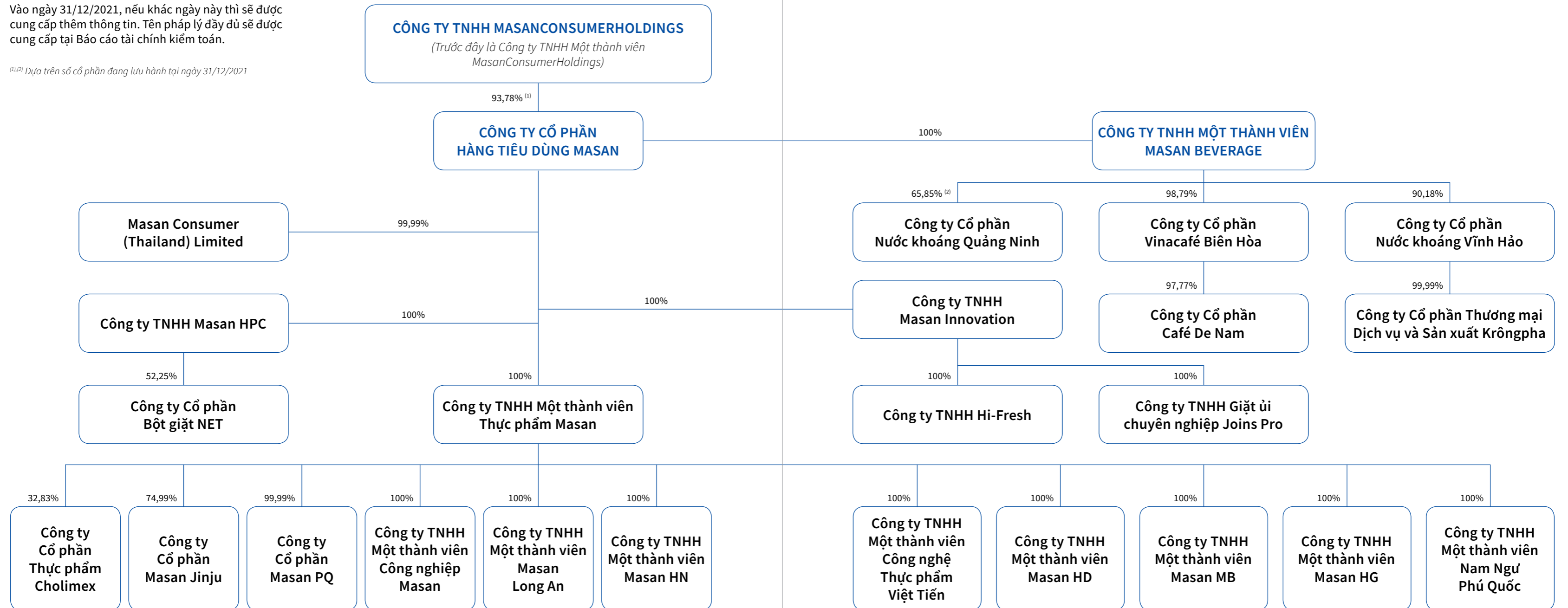
Tháng 12/2020: Công ty đã thành lập thêm Công ty TNHH Masan Innovation và Công ty TNHH Hi-Fresh, hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ các sản phẩm hàng tiêu dùng trong các cửa hàng chuyên doanh.

LỊCH SỬ VÀ CẤU TRÚC CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN (tiếp theo)

CẤU TRÚC CÔNG TY

Vào ngày 31/12/2021, nếu khác ngày này thì sẽ được cung cấp thêm thông tin. Tên pháp lý đầy đủ sẽ được cung cấp tại Báo cáo tài chính kiểm toán.

^{(1),(2)} Dựa trên số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2021



TỔ CHỨC VÀ NGUỒN NHÂN LỰC

BAN ĐIỀU HÀNH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Danny Le

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1984

Trình độ chuyên môn : Đại học

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trương Công Thắng

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1973

Trình độ chuyên môn : Đại học

Nguyễn Thiều Quang

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1959

Trình độ chuyên môn : Đại học

Nguyễn Thu Hiền

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1978

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ

Nguyễn Đăng Quang

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1963

Trình độ chuyên môn : Tiến sĩ

Nguyễn Hoàng Yến

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1963

Trình độ chuyên môn : Đại học

Nguyễn Thị Thu Hà

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1974

Trình độ chuyên môn : Đại học

BAN KIỂM SOÁT (đến ngày 31/3/2021)

Trưởng Ban Kiểm soát

Nguyễn Quỳnh Lâm

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1965

Trình độ chuyên môn : Đại học

Kiểm soát viên

Đỗ Thị Hoàng Yến

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1983

Trình độ chuyên môn : Đại học

Đoàn Thị Mỹ Duyên

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1985

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ

BAN GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc

Ông Trương Công Thắng

ỦY BAN KIỂM TOÁN (từ ngày 01/4/2021)

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán

Nguyễn Thu Hiền

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1978

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ

Thành viên Ủy ban Kiểm toán

Nguyễn Thiều Quang

Giới tính : Nam

Năm sinh : 1959

Trình độ chuyên môn : Đại học

Phó Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Ông Phạm Hồng Sơn

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu ⁽¹⁾ (%)
Danny Le	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	-
Trương Công Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị	30.417	0,004%
Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên Hội đồng Quản trị	894.712	0,123%
Nguyễn Thiều Quang	Thành viên Hội đồng Quản trị	145.776	0,02%
Nguyễn Thu Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-
Nguyễn Thu Hiền	Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-

⁽¹⁾ Dựa trên tổng số cổ phần tại ngày 31/12/2021.**HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị được bầu bởi cổ đông của Công ty để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên của Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Ban Điều hành. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 5 thành viên và tối đa là 11 thành viên. Năm 2021, Hội đồng Quản trị có 7 thành viên, đến ngày 01/9/2021 có 1 thành viên từ nhiệm.

Hội đồng Quản trị có thể họp thường kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp thường kỳ được tổ chức mỗi Quý một lần.

Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có 1 phiếu biểu quyết.

Không có giao dịch giữa Công ty và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm 2021.

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị hoạt động không có thù lao.

ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành có nhiệm vụ thực thi chiến lược của Công ty và quản lý hoạt động kinh doanh hàng ngày. Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban Điều hành của Công ty.

Trong năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thực hiện:

- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các Cán bộ Quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh cho Công ty;
- Quyết định việc cơ cấu lại mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức của các công ty, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- Quyết định các phương án và dự án đầu tư của Công ty và các công ty con.

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Tên thành viên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần sở hữu(%)
Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	-	-
Nguyễn Thiều Quang	Thành viên Ủy ban Kiểm toán	145.776	0,02%

HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRONG NĂM 2021

Ủy ban Kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị và có từ 2 thành viên trở lên. Hiện Ủy ban Kiểm toán của Công ty có 2 thành viên.

Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng Quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban Kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành.

Ủy ban Kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban Kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban Kiểm toán có một phiếu biểu quyết.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã thực hiện:

- Đảm bảo các chức năng trong việc giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật; Xem

xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021; Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro của Công ty. Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, quy chế, quy trình và các văn bản khác của Công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Giám sát tính trung thực của tất cả các báo cáo tài chính của Công ty và kết quả tài chính của Công ty.

- Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận; Tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty Kiểm toán độc lập;

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu. Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG và bảo đảm rằng các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam cũng như các nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính sáu tháng và cả năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị; Thẩm định các Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông.

- Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.

- Trong năm 2021, Ủy ban Kiểm soát đã họp hai lần để thảo luận các vấn đề thuộc thẩm quyền.

- Năm 2021, Ủy ban Kiểm soát hoạt động không có thù lao.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Tổng số cổ phần

tại ngày 31/12/2021

726.793.818

CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần đang lưu hành

tại ngày 31/12/2021

715.878.430

CỔ PHẦN

Tổng số lượng cổ phiếu quỹ

tại ngày 31/12/2021

10.915.388

CỔ PHẦN

CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC

Cơ cấu cổ đông trong nước: 98,19%⁽¹⁾

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG LỚN

Tên cổ đông	Địa chỉ thường trú/ trụ sở chính	Nghề nghiệp/ Ngành nghề hoạt động	Số cổ phiếu	Tỷ lệ % ⁽²⁾
Công ty TNHH MasanConsumerHoldings	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q. 1, TP. HCM	Đầu tư	671.353.145	93,78%

CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

Cơ cấu cổ đông nước ngoài: 1,81%⁽¹⁾

Không có cổ đông lớn nước ngoài

⁽¹⁾ Dựa trên danh sách cổ đông chốt gần nhất ngày 02/6/2021 và tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2021.

⁽²⁾ Dựa trên tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2021.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những “nhận định về tương lai”. Những nhận định này có thể có những từ ngữ như “dự đoán”, “tin tưởng”, “có thể”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “kế hoạch”, “nhắm đến”, “sẽ” hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án đã lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Triển vọng của Masan Consumer chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lý trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo, và Masan Consumer không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

LIÊN HỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Tên tiếng Anh	:	MASAN CONSUMER CORPORATION
Tên viết tắt	:	MSC hoặc MASAN CONSUMER CORP.
Trụ sở chính	:	Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	+84 902 662 660
Website	:	www.masanconsumer.com
Mã số thuế	:	0302017440
Vốn điều lệ	:	7.267.938.180.000 VND (Bảy ngàn hai trăm sáu mươi bảy tỷ, chín trăm ba mươi tám triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng).

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CDN	:	Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN
Cholimex	:	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
CP	:	Cổ phần
GDP	:	Tổng sản phẩm quốc nội
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
HORECA	:	Điểm bán hàng tại khách sạn, nhà hàng và căn tin
HR	:	Bộ phận nhân sự
Masan hay Công ty	:	Thuật ngữ chung nói về Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, bao gồm Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan và các công ty con
Masan Consumer hay MSC	:	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San
Masan Consumer Holdings	:	Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
MNC	:	Công ty đa quốc gia
MTV	:	Một thành viên
NETCO	:	Công ty Cổ phần Bột giặt Net
Nước khoáng Quảng Ninh	:	Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
R&D	:	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm

Saigon Nutri Food hay SNF	:	Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn
SG&A	:	Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
CAGR	:	Tăng trưởng kép
Tập đoàn hay Công ty	:	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
TGD	:	Tổng Giám đốc
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
Tp.	:	Thành phố
TP.HCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
USD	:	Đô la Mỹ
Vinacafé Biên Hòa	:	Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vinacafé	:	Thương hiệu cà phê của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Vĩnh Hào	:	Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hào
Masan Jinju	:	Liên doanh giữa Công ty SNF và Công ty Jinju Ham (Hàn Quốc)
WCM	:	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce
VNĐ	:	Đồng Việt Nam
HPC	:	Hàng hóa mỹ phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2022
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN

Tầng 12, Tòa nhà MPlaza Saigon,
39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
T: +84 902 662 660
F: +84 28 3810 9463

www.masanconsumer.com